



**Tổng công ty cổ phần
Điện tử và Tin học Việt Nam**

TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025

1. Chương trình Đại hội.
2. Tờ trình Quy chế tổ chức Đại hội cổ đông bất thường năm 2025.
3. Tờ trình Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.
4. Tờ trình Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
5. Tờ trình Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
6. Tờ trình Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.
7. Tờ trình phê duyệt hợp đồng/giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
8. Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên HĐQT, BKS Tổng công ty cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022-2027.
9. Quy chế bầu cử bổ sung Thành viên HĐQT, BKS Tổng công ty cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022-2027.

Hà Nội, tháng 01 năm 2026



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**

- Thời gian: Bắt đầu từ 8h00 ngày 08 tháng 01 năm 2026
- Địa điểm: Tầng 11, Tòa nhà Mipec, 229 Tây Sơn, phường Lim Liên, Tp. Hà Nội.

Thời gian	Nội dung
8h00 – 8h30	Đón tiếp đại biểu, Kiểm tra tư cách cổ đông
8h30 – 8h45	1. Khai mạc, Chào cờ, Tuyên bố lý do. 2. Giới thiệu thành phần tham dự Đại hội. 3. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông. 4. Giới thiệu Chủ tọa Đại hội.
8h45 – 9h45	5. Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Ban bầu cử và Ban thư ký Đại hội. Đại hội biểu quyết thông qua danh sách đoàn chủ tịch, ban bầu cử. 6. Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội. 7. Thông qua chương trình Đại hội. 8. Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung điều lệ Tổng công ty. 9. Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. 10. Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. 11. Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. 12. Tờ trình phê duyệt hợp đồng/giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. 13. Đại hội thảo luận. 14. Biểu quyết thông qua các Tờ trình (Ban kiểm phiếu làm việc).
9h45 – 10h15	15. Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung TV HĐQT, BKS cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022-2027. 16. Biểu quyết thông qua Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung TV HĐQT, BKS cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022-2027. 17. Thông qua Quy chế bầu cử bổ sung TV HĐQT, BKS cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022-2027. 18. Bầu cử TV HĐQT, BKS cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022-2027.
10h15 – 10h30	19. Đại hội giải lao (Ban bầu cử làm việc).
10h30 – 10h45	20. Báo cáo kết quả bầu cử. HĐQT, BKS ra mắt Đại hội.
10h45 – 10h55	21. Thông qua Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2025.
10h55 – 11h00	Bế mạc Đại hội.

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025
Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022 sửa đổi một số điều của một số Luật trong đó có sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Điều lệ hiện hành Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

Để tiến hành Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025, Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Tổng công ty như dự thảo đính kèm Tờ trình này.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- CBTT;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, ĐT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đông

QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025
CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Tờ trình số**002**.....TTr/ĐT-HĐQT ngày 07/01/2026
của Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

Điều 2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Cơ quan báo chí, truyền thông tham dự, thực hiện đưa tin về Đại hội phải đăng ký với Ban Tổ chức; không được tự ý ra vào khu vực tổ chức Đại hội khi chưa được Ban Tổ chức Đại hội chấp thuận.

Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Điều kiện tham dự Đại hội.

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam theo danh sách chốt ngày 09/12/2025 hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.

2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện tham dự Đại hội.

a. Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Thẻ Căn cước công dân/ hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị tương đương.
- Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội*)

(*Nếu cổ đông là cá nhân, thì văn bản ủy quyền phải được ký bởi chính cổ đông đó; Nếu cổ đông là tổ chức, thì văn bản ủy quyền phải được đóng dấu và được ký bởi người đại diện hợp pháp của tổ chức đó).

Sau khi xuất trình các giấy tờ nêu trên cho Ban Kiểm tra tư cách cổ đông, cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội được nhận một **Thẻ biểu quyết và một Phiếu biểu quyết** do Tổng công ty in và đóng dấu kiểm soát.

Phiếu biểu quyết theo mẫu của Tổng công ty phát hành kèm theo tài liệu gửi cho cổ đông do cổ đông gửi tới Đại hội, được Ban kiểm tra tư cách cổ đông ghi nhận như phiếu do Ban tổ chức đại hội phát trực tiếp tại Đại hội khi Phiếu gửi tới được kèm theo bản chính hoặc bản sao được công chứng các giấy tờ sau: Thẻ căn cước công dân/hộ chiếu hoặc các giấy tờ tương đương của cổ đông/người được ủy quyền. Các thông tin về cổ đông trên các giấy tờ kèm theo phiếu biểu quyết phải phù hợp với các thông tin của cổ đông trên phiếu biểu quyết.

Sau khi được Ban kiểm tra tư cách cổ đông xác nhận tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết do cổ đông gửi tới, Phiếu sẽ được đóng dấu kiểm soát của Tổng công ty và được ghi nhận như các phiếu biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

b. Cổ đông được ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.

c. Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội, sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

d. Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi,

phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào phiếu đặt câu hỏi, chuyển cho Ban Thư ký Đại hội. Để đảm bảo thời lượng thảo luận không kéo dài, đúng trọng tâm, nội dung Chương trình, Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Chủ tọa Đại hội quyết định số lượng cổ phiếu sở hữu tối thiểu để được quyền phát biểu, đặt câu hỏi trực tiếp tại Đại hội; Cổ đông hoặc người được uỷ quyền tham dự Đại hội không sở hữu số cổ phần tối thiểu như trên, ghi câu hỏi và vấn đề cần thảo luận vào Phiếu đặt câu hỏi do Tổng công ty phát hành (Mẫu kèm theo quy chế), gửi Ban Thư ký Đại hội, Tổng công ty sẽ phản hồi Cổ đông bằng văn bản.

e. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

f. Trong thời gian tiến hành Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

g. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi Đại hội đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Đoàn Chủ tịch

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:

a. Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự, phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự Đại hội.

b. Hướng dẫn các đại biểu tham dự Đại hội thảo luận.

c. Trình dự thảo và những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị quyết định. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội nhận giấy tờ của cổ đông hoặc người được uỷ quyền đến họp để kiểm tra tính hợp lệ và đối chiếu với danh sách cổ đông có quyền dự họp đã chốt ngày 09/12/2025; Phát các tài liệu Đại hội, thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử; Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội

1. Chủ tọa cử Ban Thư ký Đại hội.

2. Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:

a. Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội.

b. Công bố dự thảo Biên bản, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

c. Tiếp nhận phiếu câu hỏi của các cổ đông.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

1. Chủ tọa giới thiệu Ban Kiểm phiếu và lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.

2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a. Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội.

b. Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung và thông báo kết quả cho Chủ tọa và Ban Thư ký Đại hội.

Chương III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt ngày 09/12/2025.

Điều 10. Trật tự của Đại hội

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội ăn mặc lịch sự, chỉnh tề.
2. Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức Đại hội quy định, tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban Tổ chức.
3. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong khi Đại hội diễn ra. Điện thoại di động phải tắt hoặc không để chuông báo.

Điều 11. Cách thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải được lấy ý kiến biểu quyết thông qua công khai của tất cả cổ đông tham dự Đại hội bằng THẺ BIỂU QUYẾT và PHIẾU BIỂU QUYẾT. Mỗi cổ đông được cấp một THẺ BIỂU QUYẾT và một PHIẾU BIỂU QUYẾT. Trên THẺ BIỂU QUYẾT và PHIẾU BIỂU QUYẾT đều ghi: Mã số Cổ đông, số cổ phần được biểu quyết (sở hữu và/hoặc được ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Tổng công ty. PHIẾU BIỂU QUYẾT ghi các nội dung xin ý kiến Đại hội và các ô thể hiện phương án biểu quyết: Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến.

1. Cổ đông thông qua từng nội dung xin ý kiến Đại hội bằng cách giơ THẺ BIỂU QUYẾT để biểu quyết theo một trong các phương án sau: **Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến**. Khi biểu quyết, mặt trước của THẺ BIỂU QUYẾT có ghi Mã số cổ đông, Số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện phải được hướng về phía Chủ tọa.

2. Đối với các nội dung biểu quyết thông qua bằng PHIẾU BIỂU QUYẾT: Cổ đông đánh dấu (V) hoặc (X) vào ô lựa chọn một trong số các phương án: **Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến** trên PHIẾU BIỂU QUYẾT. Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền ký tên trên PHIẾU BIỂU QUYẾT để hoàn thành việc biểu quyết thông qua các nội dung xin ý kiến tại Đại hội.

3. Ban Kiểm phiếu sẽ tiến hành ghi nhận Mã cổ đông biểu quyết cho từng phương án (Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến) và thu lại PHIẾU BIỂU QUYẾT để tổng hợp kết quả biểu quyết thông báo cho Chủ tọa và Ban thư ký Đại hội.

4. PHIẾU BIỂU QUYẾT bị rách hoặc ghi sai trước khi Ban kiểm phiếu thu về, Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội có thể xin đổi phiếu với Ban Tổ chức để thay thế.

5. PHIẾU BIỂU QUYẾT hợp lệ là phiếu do Ban tổ chức phát ra và được đánh dấu lựa chọn 1 trong 3 phương án (Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến) đối với từng nội dung xin ý kiến trên Phiếu; Ký, ghi rõ họ tên của cổ đông/người đại diện theo ủy quyền trên Phiếu. Các trường hợp còn lại là phiếu không hợp lệ;

Điều 12. Thông qua Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung: Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán; Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành;

Các quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề trong chương trình Đại hội không thuộc trường hợp nêu trên được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành.

Chương IV KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 13. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
2. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại Tổng Công ty.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 04 (bốn) Chương, 14 (mười bốn) Điều, được đọc công khai trước khi tiến hành Đại hội đồng cổ đông và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**

Số: **003** TTr/ĐT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2026.

TỜ TRÌNH

(Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025
Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam;

Căn cứ yêu cầu tổ chức hoạt động của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (Tổng công ty),

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua nội dung sau:

- Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều lệ Tổng công ty hiện hành nhằm đáp ứng yêu cầu về tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, bảo đảm phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành (*chi tiết nội dung sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục đính kèm*).

- Giao cho Hội đồng quản trị xem xét hoàn thiện nội dung và triển khai việc ban hành Điều lệ mới của Tổng công ty theo đúng nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và đúng theo quy định pháp luật.

Kính trình Đại hội thông qua./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- CBTT;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Đông



PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ VIETTRONICS NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Tờ trình số **003** TTr/ĐT-HĐQT ngày 07/01/2026 của Hội đồng quản trị
Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam)

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: a. “Tổng công ty” là Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam; b. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Tổng công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này; c. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; d. “Luật chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; e. “Ngày thành lập” là ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu - ngày 28 tháng 02 năm 2007 (kể từ khi chuyển đổi DNNN (CPH) sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần); f. Người điều hành doanh nghiệp là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty; g. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý Tổng công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Tổng công ty ký kết giao dịch của Tổng công ty; h. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: a. “Tổng công ty” là Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam; b. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Tổng công ty theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này; c. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Luật này tại từng thời điểm; d. “Luật chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Luật này tại từng thời điểm; e. “Ngày thành lập” là ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu - ngày 28 tháng 02 năm 2007 (kể từ khi chuyển đổi DNNN (CPH) sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần); f. Người điều hành doanh nghiệp là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng; g. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý Tổng công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền nhân danh Tổng công ty ký kết giao dịch của Tổng công ty; h. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp,	- Cập nhật, điều chỉnh khái niệm người điều hành, người quản lý doanh nghiệp để phù hợp thực tế tổ chức hiện tại của Tổng công ty và đúng thẩm quyền theo pháp luật dân sự, Luật Doanh nghiệp. - Làm rõ thẩm quyền nhân danh Tổng công ty ký kết giao dịch chi thuộc Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền hợp pháp, tránh rủi ro pháp lý. - Bổ sung, chuẩn hóa cách dẫn chiếu Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán theo hướng bao gồm các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm, bảo đảm tính cập nhật khi pháp luật thay đổi (Luật DN sửa đổi 2025). - Bổ sung thuật ngữ “Pháp luật” nhằm thống nhất cách hiểu và áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. - Làm rõ nguyên tắc: các thuật ngữ chưa được định nghĩa trong Điều lệ thì được hiểu theo Luật Doanh nghiệp và pháp luật hiện hành, giúp tránh cách hiểu khác nhau khi áp dụng.

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
i. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán; j. "Cổ đông": là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần; k. Cổ tức là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác. l. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty thông qua bằng Nghị quyết; m. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; 2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế. 3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này. 4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp và các Luật chuyên ngành khác (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.	khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán; i. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán; j. "Cổ đông": là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần; k. Cổ tức là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác; l. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này; m. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; n. "Pháp luật" có nghĩa là các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 4 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 22/6/2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm. 2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế. 3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này. 4. Các từ hoặc thuật ngữ nào không được định nghĩa trong Điều lệ này sẽ mang các ý nghĩa như được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật hiện hành.	
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời gian hoạt động của Tổng công ty 5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 60 Điều lệ này hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 61 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là 50 năm.	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời gian hoạt động của Tổng công ty 5. Thời hạn hoạt động của Tổng công ty là vô thời hạn. Thời hạn này có thể được thay đổi theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	Việc quy định Tổng công ty có thời hạn hoạt động là 50 năm hiện không phù hợp.
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty 1. Lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty là trực	Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty 1. Tổng công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất -	Cấu trúc danh mục ngành nghề của Tổng công ty thành phụ lục đính kèm của Điều lệ. Mục

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
tiếp sản xuất - kinh doanh trong các lĩnh vực điện tử - tin học, công nghệ thông tin, đầu tư tài chính, đầu tư và kinh doanh bất động sản, đào tạo nguồn nhân lực, bao gồm các ngành nghề cụ thể sau đây: a. Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị, linh kiện, chi tiết, cấu kiện điện tử - tin học, các loại bao bì phục vụ cho các ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty cổ phần; b. Xuất khẩu, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy; c. Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin (nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ, tư vấn đầu tư, xây lắp, bảo trì, làm đại lý, nhà phân phối cho các công ty trong và ngoài nước); d. Kinh doanh khách sạn; e. Kinh doanh quảng cáo, thông tin; f. Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Kinh doanh triển lãm; g. Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê; h. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, viễn thông, phát thanh - truyền hình, đường dây và trạm biến áp điện đến 500KV, nhà máy điện công suất lên tới 1000MW; i. Tư vấn, giám sát thi công công trình lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 110 KV. Tư vấn, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110 KV; Tư vấn, thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 500KV; j. Hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ, thiết kế các linh kiện điện tử, thiết bị điện tử dân dụng, chuyên dụng; k. Kinh doanh các thiết bị: thiết bị điện, điện lạnh, cơ khí, kim loại, khoáng sản, các sản phẩm chế tạo từ cao su, thiết bị và hệ thống xử lý môi trường, thiết bị nâng hạ, thang máy, thiết bị cảnh báo bảo vệ, thiết bị phòng chống cháy nổ, thiết bị phòng thí nghiệm	kinh doanh đa ngành, trọng tâm là điện tử, công nghệ thông tin, xây dựng, thương mại và dịch vụ kỹ thuật bao gồm các ngành nghề theo Phụ lục đính kèm Điều lệ này. 2. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty là không ngừng phát triển sản xuất kinh doanh, sử dụng hợp lý các nguồn lực để tối đa hoá lợi nhuận có thể có được của Tổng công ty cho các cổ đông và không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động, đồng thời làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước	đích mã hoá các ngành theo hệ thống ngành nghề kinh tế, đồng thời, để việc tiếp cận thông tin được rõ ràng, việc cập nhật, sửa đổi, bổ sung không bị ảnh hưởng đến cấu trúc điều khoản chính của Điều lệ trong trường hợp thay đổi ngành nghề kinh doanh.

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
phục vụ sản xuất, nghiên cứu và đào tạo; kinh doanh thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử-tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy; l. Lắp đặt các thiết bị: thiết bị điện, điện lạnh, cơ khí, kim loại, khoáng sản, các sản phẩm chế tạo từ cao su, thiết bị và hệ thống xử lý môi trường, thiết bị nâng hạ, thang máy, thiết bị cảnh báo bảo vệ, thiết bị phòng chống cháy nổ, thiết bị phòng thí nghiệm phục vụ sản xuất, nghiên cứu và đào tạo; m. Xuất nhập khẩu vật tư linh kiện, nguyên liệu, dụng cụ, trang thiết bị y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; n. Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị y tế, máy móc, thiết bị, dụng cụ trong lĩnh vực y tế; o. Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng; p. Lắp đặt thiết bị y tế; q. Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ; Thẩm định thiết kế xây dựng công trình; Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn quản lý dự án; Kiểm định xây dựng; Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Thiết kế phòng cháy - chữa cháy; Tư vấn quản lý chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; Dịch vụ tư vấn đấu thầu; r. Phá dỡ, Chuẩn bị mặt bằng; s. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Hoạt động thiết kế chuyên dụng; t. Lắp đặt hệ thống điện; Thi công, lắp đặt hệ thống		

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
phòng cháy chữa cháy; u. Kinh doanh phương tiện phòng cháy và chữa cháy; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Bán buôn hóa chất. 2. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty là không ngừng phát triển sản xuất kinh doanh, sử dụng hợp lý các nguồn lực để tối đa hoá lợi nhuận có thể có được của Tổng công ty cho các cổ đông và không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động, đồng thời làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước.		
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục Cổ đông sáng lập Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này. 9. Tổng công ty có thể giảm vốn điều lệ trong trường hợp sau đây: Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Tổng công ty nếu Tổng công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp; đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông.	Bỏ	Nội dung này được bỏ nhằm bảo đảm thống nhất với Điều lệ mẫu.
Điều 7. Bán cổ phần Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây: 1. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập; 2. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Tổng công ty;	Bỏ	Nội dung này được bỏ nhằm bảo đảm thống nhất với Điều lệ mẫu.

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
3. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. 4. Trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.		
Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu 4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Tổng công ty để được Tổng công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây: a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.	Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây: a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.	Nội dung được sửa đổi nhằm bảo đảm thống nhất, phù hợp với Điều lệ mẫu: đơn giản hóa thủ tục cấp lại cổ phiếu cho cổ đông, bảo đảm quyền lợi cổ đông và thuận lợi trong quá trình thực hiện.
Điều 12. Quyền của cổ đông 1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc hình thức khác theo pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết; b. Nhận cổ tức với mức theo Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan; d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng công ty;	Điều 11. Quyền của cổ đông 1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc hình thức khác theo pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết; b. Nhận cổ tức với mức theo Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan; d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng công ty; e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên	

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình; f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; g. Trường hợp Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty sau khi Tổng công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Tổng công ty theo quy định của Pháp luật; h. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp; i. Quyền được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông; j. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng công ty công bố theo quy định của Pháp luật. k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp; l. Cổ đông là tổ chức sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có thể ủy quyền tối đa 05 người đại diện. —Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo đến Tổng công ty và chỉ có hiệu lực đối với Tổng công ty kể từ ngày Tổng công ty nhận được thông báo. —Thủ tục và điều kiện ủy quyền thực hiện theo	và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình; f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; g. Trường hợp Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty sau khi Tổng công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Tổng công ty theo quy định của Pháp luật; h. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp; i. Quyền được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông; j. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng công ty công bố theo quy định của Pháp luật. k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp; l. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật. 2.Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 của Luật Doanh nghiệp; b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng	Điều chỉnh để tránh dẫn chiếu các nội dung chưa được quy định cụ thể Bỏ điểm 1 khoản 1 nhằm bảo đảm thống nhất, phù hợp với Điều lệ mẫu. Việc giữ điều khoản này sẽ giới hạn quyền của cổ đông mới.

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
Điều 14 Luật doanh nghiệp. m. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật. 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 của Luật Doanh nghiệp; b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty; c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp; e. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này. 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát như sau:	quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty; c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp; e. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật. 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát như sau: a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 3 Điều 25 và Khoản 1 Điều 35 Điều lệ này phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; b. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.	Điều chỉnh để tránh dẫn chiếu các nội dung chưa được quy định cụ thể Điều chỉnh viện dẫn cho phù hợp.

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 3 Điều 27 và Khoản 1 Điều 37 Điều lệ này phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; b. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.		
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông 1. Cổ đông có các nghĩa vụ sau: f. Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác. 2. Nghĩa vụ của cổ đông lớn Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau: — Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Tổng công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty; - Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.	Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông 2. Cổ đông có các nghĩa vụ sau: f. Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định pháp luật hiện hành có liên quan; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác. 	Điều chỉnh để tránh dẫn chiếu các nội dung chưa được quy định cụ thể. Bỏ khoản 2 nhằm bảo đảm thống nhất, phù hợp với Điều lệ mẫu.
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty; b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo	Điều 13. Đại hội đồng cổ đông 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty; b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo	Nội dung được sửa đổi nhằm bảo đảm thống nhất, phù hợp với Điều lệ mẫu.

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ; c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này; d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình; f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 	tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ; c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật; d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; e. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát; f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 	Điều chỉnh viện dẫn cho phù hợp. Điều chỉnh để tránh dẫn chiếu các nội dung chưa được quy định cụ thể
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này; b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 0 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng	Điều 13. Đại hội đồng cổ đông 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này; b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 0 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị	Nội dung được sửa đổi nhằm cập nhật, phù hợp với quy định mới của Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025 (có hiệu lực từ 01/7/2025), làm rõ quyền của cổ đông/nhóm cổ đông trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông và cơ chế hoàn trả chi phí hợp lý.

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp; c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp; Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại. d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.	triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp; c. Trường hợp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a, điểm b Khoản 0 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ Tổng công ty có quyền đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Tổng công ty hoàn lại. d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.	
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua: a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty; b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán; c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên; f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;	Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận, xem xét và quyết định/thông qua các vấn đề sau: a) Thông qua định hướng phát triển, chiến lược và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty; b) Quyết định loại cổ phần, tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định việc phát hành cổ phần mới đối với từng loại cổ phần; quyết định mức cổ tức hằng năm đối với mỗi loại cổ phần; c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;	- Gộp và hệ thống lại các quy định về quyền, nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông nhằm tránh trùng lặp, bảo đảm tính thống nhất và dễ áp dụng trong quản trị doanh nghiệp. - Rà soát, bổ sung và sắp xếp lại thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo hướng đầy đủ, rõ ràng, tạo thuận lợi cho việc phân định thẩm quyền giữa ĐHĐCĐ và HĐQT. - Điều chỉnh tăng ngưỡng quyết định đầu tư/bán tài sản từ 50% tổng giá trị tài sản để nâng cao tính chủ động, linh hoạt cho Hội đồng quản trị trong điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh. - Cập nhật, dẫn chiếu quy định pháp luật mới (Luật Doanh nghiệp, pháp luật chứng khoán

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền. 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: a. Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty; b. Thông qua các báo cáo tài chính năm; c. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; d. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; f. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty; h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần; i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty; j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý; k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và các cổ đông của Tổng công ty; l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty; m. Tổng công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại; n. Tổng công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty; o. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;	đ) Quyết định Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất; e) Chấp thuận các giao dịch theo quy định tại Khoản 84 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán; g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại; h) Thông qua Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán; i) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông; k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; l) Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; m) Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát; n) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; o) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định lựa chọn, bãi miễn công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán hoặc kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết; p) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;	và nghị định hướng dẫn) nhằm bảo đảm tính hợp pháp và phù hợp thực tiễn áp dụng. Chuẩn hóa lại cách diễn đạt, thuật ngữ và trình tự quyết định để giảm rủi ro pháp lý và tránh cách hiểu khác nhau khi triển khai thực hiện.

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
p. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết; q. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; r. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định theo quy định của pháp luật. 3. Tất cả các Nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.	q) Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chi định người thanh lý; r) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. 2. Tất cả các Nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	
Điều 17. Thay đổi các quyền 3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19,20,21 Điều lệ này.	Điều 16. Thay đổi các quyền 3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17,18,19 Điều lệ này.	Điều chỉnh viện dẫn cho phù hợp.
Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này. 5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. 6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 5 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:	Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này. 5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. 6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 5 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau: a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc	Điều chỉnh viện dẫn cho phù hợp.

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này; c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 	không đủ, không đúng nội dung; e. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này; f. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 	Điều chỉnh để tránh dẫn chiếu các nội dung chưa được quy định cụ thể
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty; d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty; e. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty. 	Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty; d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty; e. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty. 	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 14 dự thảo Điều lệ sửa đổi
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3,	Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 17	Điều chỉnh viện dẫn cho phù hợp

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
Khoản 4 Điều 18 Điều lệ này.	Điều lệ này.	
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 21 Điều lệ này. 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.	Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 20 Điều lệ này. 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật.	Điều chỉnh viện dẫn cho phù hợp Điều chỉnh để tránh dẫn chiếu các nội dung chưa được quy định cụ thể
Điều 25. Hiệu lực của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 1. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại Nghị quyết đó. 2. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua Nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty. 3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, thì các Nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	Bỏ	Nội dung này được bỏ nhằm bảo đảm thống nhất với Điều lệ mẫu.
Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.	Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 4. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản	Lược bỏ thuật ngữ “theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty” vì văn bản này là Điều lệ của Tổng công ty.

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm: a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ chuyên môn; b. Quá trình công tác; d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); e. Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty; f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty; g. Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có). 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. 3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản	về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm: a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ chuyên môn; b. Quá trình công tác; d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); e. Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty. f. Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có). 5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. 6. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật. 7. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.	

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty		Điều chỉnh để tránh dẫn chiếu các nội dung chưa được quy định cụ thể
Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 2.Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. 4.Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về Pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và có xét yếu tố về giới. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Tổng công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. 7. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay	Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 2.Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. 4.Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức về Pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và có xét yếu tố về giới. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo ít nhất có 01 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau: a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Tổng công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Tổng công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Tổng công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên. 7. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại	Nội dung được sửa đổi nhằm bảo đảm thống nhất, phù hợp với Điều lệ mẫu.

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
thể theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, gồm: a. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp; - Có đơn từ chức và được chấp thuận; - Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty. b. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; - Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty. c. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Điểm a,b nêu trên. d. Thành viên đó không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó; e. Thành viên đó là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Tổng công ty nữa. 9. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị: a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty; c. Thành viên của Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên của Hội đồng quản trị Công ty khác. Tuy nhiên, số lượng, chức danh thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty tham gia Hội	hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp. Bỏ	

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại các Công ty khác tuân thủ quy định Pháp luật hiện hành có liên quan; Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm; b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; c. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; d. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; e. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty; f. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp; g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; h. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này; i. Quyết định cơ cấu tổ chức của Tổng công ty; Ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty trong đó có quy chế quản lý phần vốn góp của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác; Quyết định thành lập công ty con; lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;	Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm; b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; c. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; d. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; e. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty; f. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp; g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; h. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% đến dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty; i. Quyết định cơ cấu tổ chức của Tổng công ty; Ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty trong đó có quy chế quản lý phần vốn góp của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác; Quyết định thành lập công ty con; lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; j. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ	- Rà soát, điều chỉnh thẩm quyền của Hội đồng quản trị nhằm phân định rõ ranh giới quyết định giữa ĐHĐCĐ và HĐQT, bảo đảm thống nhất với Điều lệ và quy định pháp luật hiện hành. - Điều chỉnh ngưỡng quyết định đầu tư, mua bán tài sản và giao dịch để tăng tính chủ động cho HĐQT, đồng thời vẫn bảo đảm cơ chế kiểm soát của ĐHĐCĐ đối với các quyết định quan trọng. - Bổ sung, cụ thể hóa các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm của HĐQT phù hợp với mô hình quản trị và nhu cầu quản lý thực tế của Tổng công ty. - Cập nhật, dẫn chiếu quy định pháp luật mới về chứng khoán và quản trị công ty (Nghị định 245/2025/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 155/2020/NĐ-CP) nhằm bảo đảm tính hợp pháp và đồng bộ. - Chuẩn hóa nội dung, cách diễn đạt và trách nhiệm của HĐQT để giảm rủi ro pháp lý, nâng cao hiệu quả quản trị và trách nhiệm giải trình trước cổ đông.

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
j. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết; k. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông; l. Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty đối với cán bộ quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó; m. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; n. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; o. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền; p. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý quan trọng khác của Tổng công ty; quyết định, tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; q. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; r. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; s. Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty; t. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và	đồng hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết; k. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông; l. Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty đối với cán bộ quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó; m. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; n. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; o. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền; p. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Cố vấn Hội đồng quản trị, Trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thư ký Tổng công ty, Thư ký Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người quản trị nội bộ Tổng công ty; quyết định, tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; q. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; r. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; s. Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty; t. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp	

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp. u. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty; v. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. 5. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp Nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua Nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về Nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua Nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ Nghị quyết, Quyết định nói trên 6. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, ngoài ra Hội đồng quản trị có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau: a. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Tổng công ty; b. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty;	đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp. u. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty; v. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, quy định khác của pháp luật. 5. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp Nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua Nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về Nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua Nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ Nghị quyết, Quyết định nói trên 6. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, ngoài ra Hội đồng quản trị có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau: a. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Tổng công ty; b. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty;	

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
c. Đảm bảo hoạt động của Tổng công ty tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Tổng công ty; d. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	c. Đảm bảo hoạt động của Tổng công ty tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Tổng công ty; d. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 và khoản 82 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	
Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị 3. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị: a. Phân công cho các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị; b. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; c. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; d. Tổ chức việc thông qua Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị; e. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị; f. Ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; g. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông; h. Được uỷ quyền và chịu trách nhiệm về sự uỷ quyền của mình; i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này. 	Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị 3. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị: a. Phân công cho các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị; b. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; c. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; d. Tổ chức việc thông qua Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị; e. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị; f. Ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; g. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông; h. Được uỷ quyền và chịu trách nhiệm về sự uỷ quyền của mình; i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật. 	Điều chỉnh để tránh dẫn chiếu các nội dung chưa được quy định cụ thể.
Điều 31. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị 4. Các cuộc họp bất thường Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.	Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị 4. Các cuộc họp bất thường Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.	Bổ sung thành viên độc lập Hội đồng quản trị vào nhóm chủ thể có quyền đề nghị triệu tập họp bất thường nhằm bảo đảm vai trò giám sát, phản biện độc lập phù hợp với quy định và định hướng quản trị công ty đại chúng.

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị: a. Ban kiểm soát; b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác; c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; 6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là năm (05) ngày trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty. 10. Biểu quyết. a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 10 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết; b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp	Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị: a. Ban kiểm soát; b. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị c. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác; d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị. 6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là năm (05) ngày trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty. 10. Biểu quyết. a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 10 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết; b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;	Điều chỉnh để tránh dẫn chiếu các nội dung chưa được quy định cụ thể

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết; c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 10 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ; d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 6 Điều 44 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó. 14. Biên bản họp Hội đồng quản trị a. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; - Thời gian, địa điểm họp; - Mục đích, chương trình và nội dung họp; - Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; - Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; - Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp; - Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;	c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 10 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ; d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 6 Điều 42 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó. 14. Biên bản họp Hội đồng quản trị a. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; - Thời gian, địa điểm họp; - Mục đích, chương trình và nội dung họp; - Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; - Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; - Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp; - Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến; - Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;	Điều chỉnh viện dẫn cho phù hợp

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; - Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại mục b khoản 14 Điều này. b. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các mục a khoản 14 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan. c. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. d. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty. 16. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị.	- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại mục b khoản 14 Điều này. b. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các mục a khoản 14 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của pháp luật có liên quan. c. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. d. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty. 16. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.	Điều chỉnh cách dẫn chiếu nhằm phù hợp với Điều lệ khi không quy định chi tiết, đồng thời bảo đảm trách nhiệm của Chủ tọa và người ghi biên bản được xác định theo quy định của pháp luật có liên quan. Điều chỉnh thuật ngữ để thống nhất với tên gọi pháp lý

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty. 	Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành. 	Điều chỉnh để tránh dẫn chiếu các nội dung chưa được quy định cụ thể, đồng thời bảo đảm việc thực thi quyết định luôn tuân thủ pháp luật hiện hành.
Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng công ty 1. Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp. 3. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau: a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông; b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; d. Tham dự các cuộc họp; e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật; f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên; g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt	Điều 30. Người phụ trách quản trị Tổng công ty 1. Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ công tác quản trị Tổng công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp. 3. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau: a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông; b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; d. Tham dự các cuộc họp; e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật; f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên; g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt	Điều chỉnh thuật ngữ để thống nhất với tên gọi pháp lý

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
động công bố thông tin của Tổng công ty; h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan; i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty; j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.	động công bố thông tin của Tổng công ty; h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan; i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan và quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty về việc bảo mật thông tin (nếu có); j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.	Điều chỉnh để tránh dẫn chiếu các nội dung chưa được quy định cụ thể, đồng thời bảo đảm việc thực thi quyết định luôn tuân thủ pháp luật hiện hành.
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty. Tổng công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.	Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty. Tổng công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm (Cố vấn Hội đồng quản trị, Trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thư ký Tổng công ty, Thư ký Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người quản trị nội bộ Tổng công ty). Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.	Bổ sung thêm các chức danh khác do HĐQT bổ nhiệm
Điều 34. Người điều hành Tổng công ty 2.Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức. 	Điều 32. Người điều hành Tổng công ty 2.Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải trách nhiệm để hỗ trợ Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức. 	Điều chỉnh thuật ngữ để thống nhất với tên gọi pháp lý
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc 1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng	Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc 1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.	Nội dung được sửa đổi nhằm bảo đảm thống nhất, phù hợp với Điều lệ mẫu.

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty. 2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà Pháp luật cấm giữ chức vụ này. 3. Tổng giám đốc có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: a. Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; b. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua; c. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; d. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Tổng công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn đề Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý; e. Trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm; f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng công ty; g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty (sau đây gọi là bản	2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. 3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật . 4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau: a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; b. Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị; c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty; d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty; e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng, Phó các ban chức năng và các chức danh quản lý chuyên môn trong bộ máy điều hành, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc; g. Tuyển dụng lao động; h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; i. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty; j. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm d Khoản	Bổ sung các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc và thẩm quyền phê duyệt dự án, đầu tư, mua bán, tài sản của Tổng Giám đốc nhằm tạo sự chủ động và phân quyền trong công tác quản trị.

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng công ty; h. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt phương án cơ cấu tổ chức Tổng công ty, phương án thành lập, hoặc giải thể đối với các công ty con, đơn vị trực thuộc; quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty; i. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; j. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty, các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với các quy định này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Tổng công ty; k. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Tổng công ty, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và Pháp luật. 4. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. 5. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc:	2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp; k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị. 5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.	

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; b. Là người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty; c. Có sức khoẻ, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành Pháp luật; d. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ; 6. Từ nhiệm và bãi nhiệm Tổng giám đốc a. Tổng giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải xem xét và quyết định; b. Tổng giám đốc bị bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau: - Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc theo quy định tại Khoản 5 Điều này; - Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó; - Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Tổng công ty; - Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự bởi quyết định của các cơ quan Pháp luật; - Từ chức, tự ý bỏ nhiệm sở hoặc không hoàn thành nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ này; - Bị chết hoặc bị mất trí; - Trở thành đối tượng bị hạn chế quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo Điều 17 Luật Doanh nghiệp. c. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có đa số thành viên Hội đồng quản trị trở lên		

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế. 7. Tổng giám đốc có thể ủy quyền hoặc uỷ nhiệm bằng văn bản cho các Phó tổng giám đốc hoặc một số chức danh quản lý trong Tổng công ty thay mặt mình giải quyết hoặc thi hành một số công việc thuộc thẩm quyền trong Tổng công ty, nhưng Tổng giám đốc vẫn phải chịu trách nhiệm pháp lý về sự uỷ quyền hoặc uỷ nhiệm này. Những người được Tổng giám đốc ủy quyền, uỷ nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng giám đốc và Pháp luật về những công việc mình làm. Mọi sự uỷ quyền, uỷ nhiệm có liên quan đến con dấu của Tổng công ty đều phải thực hiện bằng văn bản. Tổng giám đốc và Kế toán trưởng là người chịu trách nhiệm pháp lý về các chứng từ thu, chi, báo cáo tài chính và các hồ sơ kế toán của Tổng công ty.		
Điều 36. Thư ký Tổng công ty 2. Thư ký Tổng công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.	Điều 34. Thư ký Tổng công ty 2. Thư ký Tổng công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật hiện hành có liên quan và quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty về việc bảo mật thông tin (nếu có).	Sửa đổi nhằm làm rõ căn cứ và phạm vi nghĩa vụ bảo mật, bảo đảm phù hợp với pháp luật hiện hành và các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.
Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát 1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; b. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty; c. Không là thành viên hay nhân viên của công ty	Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát 1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty là 3 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau: a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty; b) Là thành viên hay nhân viên của Tổng công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó.	Nội dung được sửa đổi nhằm bảo đảm thống nhất, phù hợp với Điều lệ mẫu.

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó; d. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty; e. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành Pháp luật; f. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác; g. Kiểm soát viên không được giữ các chức vụ quản lý Tổng công ty bao gồm thành viên Hội đồng quản trị hoặc là cán bộ quản lý Tổng công ty (Tổng giám đốc, Phó tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban, hoặc các chức danh tương đương; Không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty; h. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tổng công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Tổng công ty; 3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau: a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này; b. Có đơn từ chức và được chấp thuận; 4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau: a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp; d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.		

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp ; d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.		
Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát 3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.	Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát 3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.	Sửa đổi để chuẩn hóa câu chữ, bảo đảm thuật ngữ sử dụng thống nhất và chính xác
Điều 43. Trách nhiệm cẩn trọng 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin. 3. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty. 	Điều 41. Trách nhiệm cẩn trọng 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin. 3. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp. 	Điều chỉnh thuật ngữ để thống nhất với tên gọi pháp lý Điều chỉnh để tránh dẫn chiếu các nội dung chưa được quy định cụ thể, đồng thời bảo đảm việc thực thi quyết định luôn tuân thủ Luật Doanh nghiệp.
Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
..... 4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty. 6. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây: a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết	 4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp. 6. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây: a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan. c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi	Điều chỉnh để tránh dẫn chiếu các nội dung chưa được quy định cụ thể, đồng thời bảo đảm việc thực thi quyết định luôn tuân thủ Luật Doanh nghiệp.

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
của các cổ đông không có lợi ích liên quan. c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.	phương diện liên quan đến các cổ đông của Tổng công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện. d. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.	Điều chỉnh thuật ngữ để thống nhất với tên gọi pháp lý
Điều 47. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này 1. Tổng công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân. 2. Tổng công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ các trường hợp Hợp Cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là các công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của Tổng công ty trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 theo quy định tại Khoản 1 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. 3. Tổng công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây: a. Tổng công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao	Điều 45. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này 1. Tổng công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân. 2. Tổng công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ các trường hợp quy định tại khoản 84 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025. 3. Tổng công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây: c. Tổng công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận; d. Trường hợp pháp luật có quy định khác. 	Cập nhật lại văn bản pháp luật mới. Điều chỉnh để tránh dẫn chiếu các nội dung chưa được quy định cụ thể

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty; b. Trường hợp pháp luật có quy định khác. 		
Điều 50. Phân phối lợi nhuận 5.Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. 	Điều 48. Phân phối lợi nhuận 5.Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. 	Điều chỉnh thuật ngữ để thống nhất với tên gọi pháp lý
Điều 57. Nghĩa vụ công bố thông tin 1. Tổng công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Tổng công ty cho cổ đông và công chúng. Tổng công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. 	Điều 55. Nghĩa vụ công bố thông tin 1. Tổng công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Tổng công ty cho cổ đông và công chúng. Tổng công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan và quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty về việc cung cấp thông tin (nếu có). 	Điều chỉnh để tránh dẫn chiếu các nội dung chưa được quy định cụ thể, đồng thời bảo đảm việc thực thi quyết định luôn tuân thủ Luật Doanh nghiệp. Điều chỉnh dẫn chiếu thành quy chế quản lý nội bộ về cung cấp thông tin nhằm cụ thể hóa trách nhiệm, quy trình thực hiện và bảo đảm thống nhất với hệ thống văn bản quản trị nội bộ của Tổng công ty

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
Điều 61. Gia hạn hoạt động 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Tổng công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị. 2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông tán thành.	Điều 59. Gia hạn hoạt động 1. Thời hạn hoạt động của Tổng Công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 2 của Điều lệ này là vô thời hạn. Trong trường hợp muốn thay đổi thời hạn hoạt động của Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ biểu quyết về việc điều chỉnh thời hạn hoạt động. 2. Thời hạn hoạt động của Tổng công ty được điều chỉnh khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông tán thành.	Cập nhật quy định về thời hạn hoạt động vô thời hạn của Tổng công ty để phù hợp với thực tế hoạt động và định hướng phát triển lâu dài; Bỏ quy trình “gia hạn” mang tính hình thức khi Tổng công ty không còn quy định thời hạn kết thúc hoạt động cụ thể.
Điều 65. Ngày hiệu lực 1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 65 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam nhất trí thông qua việc sửa đổi, bổ sung vào ngày 27 tháng 06 năm 2023 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 08 năm 2023. 2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.	Điều 63. Ngày hiệu lực 1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 63 điều, được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam nhất trí thông qua việc sửa đổi, bổ sung vào ngày 08 tháng 01 năm 2026 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ này có hiệu lực từ ngày 08 tháng 01 năm 2026. 2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.	
Phụ lục Cổ đông sáng lập Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	Bỏ	Vì cổ đông sáng lập đã chuyển nhượng hết toàn bộ cổ phần.
	Phụ lục Danh mục ngành nghề của Tổng công ty	Bổ sung Phụ lục này để việc tiếp cận thông tin được rõ ràng, việc cập nhật, sửa đổi, bổ sung không bị ảnh hưởng đến cấu trúc điều khoản chính của Điều lệ trong trường hợp thay đổi ngành nghề kinh doanh.

Số: **004** TT/ĐT-HĐQT

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2026.

TỜ TRÌNH

(Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025
Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam ban hành ngày 17/8/2022;

Căn cứ yêu cầu tổ chức hoạt động của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (Tổng công ty),

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua nội dung sau:

- Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Tổng công ty hiện hành nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị, tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, đảm bảo phù hợp với Điều lệ Tổng công ty và các quy định của pháp luật hiện hành (*chi tiết nội dung sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục đính kèm*).

- Giao cho Hội đồng quản trị xem xét hoàn thiện nội dung và triển khai việc ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị mới của Tổng công ty theo đúng nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và đúng theo quy định pháp luật.

Kính trình Đại hội thông qua./.

Nơi nhận: *[Chữ ký]*

- Như trên;
- CBTT;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
[Chữ ký]
Nguyễn Văn Đông



PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ban hành kèm theo Tờ trình số**004**.....TTr/ĐT-HĐQT ngày 07/01/2026 của Hội đồng quản trị
Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam)

QUY CHẾ HIỆN TẠI	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019; Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam; Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-2021/NQ/ĐT-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2021;	Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung; Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung; Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 sửa đổi Nghị định số 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán; Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam; Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số NQ/ĐT-ĐHĐCĐ ngày 08/01/2025;	Việc sửa đổi phần căn cứ nhằm bảo đảm Quy chế được ban hành và thực hiện trên cơ sở các quy định pháp luật hiện hành, các văn bản sửa đổi, bổ sung mới nhất của Nhà nước, đồng thời phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 08 tháng 01 năm 2026.
Điều 2. Vị trí, vai trò của HĐQT HDQT là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HDQT sử dụng bộ máy điều hành và con dấu của Tổng công ty để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.	Bỏ	Bỏ nội dung này nhằm bảo đảm thống nhất với Quy chế HĐQT mẫu.
Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT 1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm	Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT 1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại	Nội dung này được sửa đổi nhằm bảo đảm thống nhất với Quy chế HĐQT mẫu.

QUY CHẾ HIỆN TẠI	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Tổng công ty. 2. Mọi hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT và bộ máy giúp việc HĐQT phải tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và bảo đảm lợi ích của Tổng công ty. 3. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.	hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Tổng công ty. 2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.	
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng công ty, trong đó có quyền được yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý khác cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty. 2. Các thành viên có trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ đã được Chủ tịch HĐQT phân công (hoặc được Chủ tịch HĐQT ủy quyền) và không được ủy quyền cho người khác. 3. Được ủy quyền thành viên khác trong HĐQT thay thế mình tham dự các cuộc họp của HĐQT trong những trường hợp cần thiết. Việc ủy quyền người thay thế phải được lập bằng văn bản có chữ ký của người ủy quyền, được gửi tới trụ sở chính của Tổng công ty trước khi cuộc họp HĐQT khai mạc và được đa số thành viên HĐQT chấp thuận. 4. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các nghĩa vụ sau: a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty; b. Tham dự các cuộc họp HĐQT, thảo luận, biểu	Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty. 2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các nghĩa vụ sau: a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty; b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận; c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, Tổng công ty liên kết và các tổ chức khác; d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty con, công ty khác trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;	Sửa đổi để tránh vi phạm dẫn riêng Luật Chứng khoán, bảo đảm áp dụng chung theo quy định của pháp luật hiện hành và thống nhất, phù hợp với Quy chế HĐQT mẫu.

QUY CHẾ HIỆN TẠI	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước Pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và HĐQT về những hành vi của mình; c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác; d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật; f. Tuyệt đối trung thành với mục tiêu kinh doanh của Tổng công ty đã ghi trong Điều lệ Tổng công ty. Giữ bí mật các số liệu, định mức, kỹ thuật công nghệ và các vấn đề tài chính của Tổng công ty; g. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty trong từng thời kỳ; h. Thực hiện Điều lệ của Tổng công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của HĐQT có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công của HĐQT; i. Không được lợi dụng chức vụ để hưởng lợi ích cá nhân hoặc có hành động làm thiệt hại lợi ích Tổng công ty; j. Không được hành động vượt quá quyền hạn. Mọi quyết định, hành động vượt quá thẩm quyền gây thiệt hại cho Tổng công ty thì phải chịu trách nhiệm	e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.	

QUY CHẾ HIỆN TẠI	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
theo quy định của Tổng công ty và quy định của Pháp luật; k. Các quyền và nhiệm vụ khác của Thành viên HĐQT được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.		
Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị 1 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Tổng công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. 2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Tổng công ty quy định.	Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Tổng công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. 2. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin và việc yêu cầu cung cấp thông tin như quy định tại Khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định luật doanh nghiệp, luật chứng khoán, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan và quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty về việc cung cấp thông tin (nếu có).	Sửa đổi nhằm chuẩn hóa căn cứ pháp lý về trình tự, thủ tục cung cấp thông tin theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định nội bộ, bảo đảm tính thống nhất khi áp dụng. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy chế quản lý nội bộ về cung cấp thông tin nhằm cụ thể hóa trình tự, thủ tục và bảo đảm tuân thủ pháp luật hiện hành.
Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người, trong đó số thành viên HĐQT không điều hành phải chiếm ít nhất là 1/3 tổng số thành viên. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Tổng công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. 2. Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về Pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và có xét yếu tố về giới. 3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả các thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ	Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả các thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. 3. Chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, dựa trên đề xuất nhân sự của Chủ tịch Hội đồng quản trị từ một trong các thành viên Hội đồng quản	Nội dung được sửa đổi nhằm bảo đảm thống nhất, phù hợp với Quy chế HĐQT mẫu. Tuy nhiên, vẫn giữ nội dung về Phó chủ tịch HĐQT.

QUY CHẾ HIỆN TẠI	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. 4. Chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, dựa trên đề xuất nhân sự của Chủ tịch Hội đồng quản trị từ một trong các thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm. Nhiệm vụ của Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị phân công. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT.	trị đương nhiệm. Nhiệm vụ của Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị phân công	
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: 1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp; 2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty; 3. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết Pháp luật. 4. Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác. Tuy nhiên, số lượng, chức danh thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty tham gia Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại các Công ty khác tuân thủ quy định Pháp luật hiện hành có liên quan. 5. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.	Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp; b. Có trình độ chuyên môn trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty; c. Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 5 công ty đại chúng khác. 2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a. Không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó; b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;	Nội dung được sửa đổi nhằm bảo đảm thống nhất, phù hợp với Quy chế HĐQT mẫu. Đề xuất hiệu chỉnh Điểm c như sau: Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 5 công ty đại chúng khác theo quy định

QUY CHẾ HIỆN TẠI	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
6. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Tổng công ty:	c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng công ty; là người quản lý của Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty; d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty; e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Tổng công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ. 3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.	
Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc của Tổng công ty. 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;	Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty không được kiêm Tổng giám đốc. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng	Nội dung được sửa đổi nhằm bảo đảm thống nhất, phù hợp với Quy chế HĐQT mẫu.

QUY CHẾ HIỆN TẠI	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; e. Phân công cho các thành viên HĐQT thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT; g. Ký các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT; h. Được ủy quyền và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền của mình; i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. 3. Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Tổng Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông. 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.	quản trị; c. Tổ chức việc thông qua Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị; d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị; e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty. 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.	

QUY CHẾ HIỆN TẠI	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.		
Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp; b. Có đơn từ chức và được chấp thuận; c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty. 2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty. 3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. 4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba; b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.	Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này; b. Có đơn từ chức và được chấp thuận. 2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng. 3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. 4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba; b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.	Điều chỉnh để tránh dẫn chiếu các nội dung chưa được quy định cụ thể,
Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm	Điều 9. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	Sửa đổi tên Điều cho đúng với nội dung

QUY CHẾ HIỆN TẠI	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
thành viên Hội đồng quản trị 5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty. 6. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.	 5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.	Lược bỏ viện dẫn do Điều lệ cũng không quy định tiêu chí
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:	Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm: a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;	

QUY CHẾ HIỆN TẠI	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ chuyên môn; c. Quá trình công tác; d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Tổng công ty khác); e. Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty; f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty; g. Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có). 	b. Trình độ chuyên môn; c. Quá trình công tác; d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Tổng công ty khác); e. Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty; f. Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có). 	
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hằng năm; b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; c. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; d. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; e. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty; f. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp; g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và	Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm; b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; c. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; d. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; e. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty; f. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp; g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;	

QUY CHẾ HIỆN TẠI	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
công nghệ; h. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty; i. Quyết định cơ cấu tổ chức của Tổng công ty; Ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty trong đó có quy chế quản lý phần vốn góp của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác; Quyết định thành lập công ty con; lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; j. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết; k. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông; l. Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty đối với cán bộ quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó; m. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; n. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; o. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền; p. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý quan trọng khác của Tổng công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia	h. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% đến dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty; i. Quyết định cơ cấu tổ chức của Tổng công ty; Ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty trong đó có quy chế quản lý phần vốn góp của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác; Quyết định thành lập công ty con; lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; j. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết; k. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông; l. Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty đối với cán bộ quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó; m. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; n. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; o. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền; p. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Cố vấn Hội đồng quản trị, Trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thư ký Tổng công ty, Thư ký Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người quản trị nội bộ Tổng công ty; quyết định, tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ	Điều chỉnh cho phù hợp thống nhất với dự thảo Điều lệ sửa đổi.

QUY CHẾ HIỆN TẠI	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; q. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; r. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; s. Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty; t. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp; u. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty; v. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. 3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. 	đồng ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; q. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; r. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; s. Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty; t. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp. u. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty; v. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, quy định khác của pháp luật. 3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. 	
Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch 1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày	Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch 1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực	

QUY CHẾ HIỆN TẠI	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty giữa Tổng công ty với một trong các đối tượng sau: - Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ; - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp. 2. Người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.	hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng công ty với một trong các đối tượng sau: - Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ; - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp. 2. Người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.	Đề xuất lược bỏ viện dẫn do Điều lệ cũng không quy định.
Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty; b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể	Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty; b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn	

QUY CHẾ HIỆN TẠI	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát; e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.	bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát; e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	Đề xuất lược bỏ viện dẫn do Điều lệ cũng không quy định.
Điều 15. Phân công nhiệm vụ đối với các thành viên HĐQT 1. Việc phân công nhiệm vụ chỉ đạo, kiểm tra, giám sát theo từng lĩnh vực cụ thể đối với từng thành viên HĐQT được quy định tại Quyết định về phân công nhiệm vụ của HĐQT. 2. Chủ tịch HĐQT trực tiếp xây dựng hoặc chỉ đạo thành viên HĐQT chuyên trách xây dựng, thống nhất thông qua HĐQT để trình Đại hội đồng cổ đông thảo luận và ra các quyết định bằng cách thông qua Nghị quyết về các vấn đề sau: a. Báo cáo hoạt động của HĐQT; b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và Ban kiểm soát (nếu có); c. Báo cáo, giải trình, đề xuất biện pháp xử lý đối với các vi phạm của HĐQT hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại (nếu có) cho Tổng công ty và các cổ đông của Tổng công ty. 3. Chủ tịch HĐQT hoặc người được Chủ tịch ủy quyền trực tiếp chỉ đạo chuẩn bị các vấn đề đưa ra cuộc họp HĐQT để HĐQT quyết định hoặc trình Đại hội đồng cổ đông hoặc phê duyệt để Tổng giám đốc thực hiện: a. Chỉ đạo Thư ký Tổng công ty phối hợp với các đơn vị, Ban chức năng của Tổng công ty có liên quan dự thảo, xây dựng, báo cáo Chủ tịch HĐQT (hoặc người được Chủ tịch ủy quyền) để trình HĐQT phê duyệt: Kế hoạch, chương trình, nội dung tài liệu phục vụ triệu tập và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các	Bỏ	Bỏ nội dung này nhằm bảo đảm thống nhất, phù hợp với Quy chế HĐQT mẫu. Việc phân công nhiệm vụ đối với các thành viên HĐQT sẽ được HĐQT ban hành tại văn bản khác của HĐQT (Nghị quyết/Quyết định).

QUY CHẾ HIỆN TẠI	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
thủ tục lấy ý kiến bằng văn bản để Đại hội đồng cổ đông thông qua Quyết định theo quy định. b. Chỉ đạo Tổng giám đốc Tổng công ty dự thảo, xây dựng và báo cáo HĐQT để HĐQT xem xét, trình Đại hội đồng cổ đông thảo luận và ra các quyết định bằng cách thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty c. Tổng giám đốc dự thảo, xây dựng các phương án, dự án báo cáo Chủ tịch HĐQT để Chủ tịch HĐQT trình HĐQT quyết định phê duyệt hoặc trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề theo quy định Điều lệ Tổng công ty và các vấn đề sau: -Việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; -Các phương án về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản đầu tư dài hạn; các hợp đồng về cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản theo Quy định tài chính của Tổng công ty; -Thời điểm, giá, phương thức chào bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty, định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng; -Chủ trương đầu tư các dự án mới và các dự án góp vốn của Tổng công ty; -Đầu tư xây dựng hoặc cải tạo trụ sở làm việc. d. Căn cứ theo đề nghị của các thành viên HĐQT hoặc Ban kiểm soát, HĐQT quyết định: bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, mức lương, phụ cấp và các lợi ích khác đối với Tổng giám đốc. e. Căn cứ đề nghị của Tổng giám đốc và các thành viên HĐQT, HĐQT xem xét và Quyết định các vấn đề theo quy định tại Điều lệ và các vấn đề sau: -Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương, phụ cấp và các lợi ích khác đối với các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng; -Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Tổng công ty ở doanh nghiệp khác;		

QUY CHẾ HIỆN TẠI	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
—Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó		
Điều 16. Chương trình hoạt động của HĐQT 1. Chương trình hoạt động của HĐQT được xây dựng theo hàng quý hoặc theo các kỳ họp HĐQT và hàng năm theo Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu công tác của Tổng công ty. 2. Căn cứ vào Nghị quyết, chương trình công tác của HĐQT và nhiệm vụ cụ thể được phân công, mỗi thành viên HĐQT phải có kế hoạch và biện pháp thực hiện các nhiệm vụ được phân công.	Bỏ	Bỏ nội dung này nhằm bảo đảm thống nhất, phù hợp với Quy chế HĐQT mẫu.
Điều 17. Bộ máy giúp việc Hội đồng quản trị 1. Thư ký Tổng công ty a. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Tổng công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Thư ký Tổng công ty có nhiệm vụ giúp việc của HĐQT, Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Tổng công ty tùy từng thời điểm. b. Thư ký Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây: - Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp; - Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; - Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tổng công ty; - Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; - Hỗ trợ Tổng công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính. - Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành	Điều 14. Bộ máy giúp việc Hội đồng quản trị 1. Thư ký Tổng công ty b. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Tổng công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Thư ký Tổng công ty có nhiệm vụ giúp việc của HĐQT, Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Tổng công ty tùy từng thời điểm. b. Thư ký Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây: - Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp; - Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; - Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tổng công ty; - Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; - Hỗ trợ Tổng công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính. - Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của	

QUY CHẾ HIỆN TẠI	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. - Có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật, Quy chế và Điều lệ Tổng công ty.	Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. - Có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty về việc bảo mật thông tin (nếu có).	Đề xuất lược bỏ viện dẫn do Điều lệ cũng không quy định và sửa thành “quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty về việc bảo mật thông tin (nếu có)”
Điều 18. Cuộc họp Hội đồng quản trị 4.Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị: a. Ban kiểm soát b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác; c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;	Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị 4.Các cuộc họp bất thường Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị: a. Ban kiểm soát; b. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị c. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác; d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị. ...	Bổ sung thành viên độc lập Hội đồng quản trị vào nhóm chủ thể có quyền đề nghị triệu tập họp bất thường nhằm bảo đảm vai trò giám sát, phản biện độc lập phù hợp với quy định và định hướng quản trị công ty đại chúng.
Điều 19. Biên bản họp Hội đồng quản trị 2.Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của	Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị 2.Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của pháp luật có liên quan.	Điều chỉnh cách dẫn chiếu nhằm phù hợp với Điều lệ khi không quy định chi tiết, đồng thời bảo đảm trách nhiệm của Chủ tọa và người ghi biên bản được xác định theo quy định của pháp luật có liên quan.

QUY CHẾ HIỆN TẠI	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan. 		
Điều 20. Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản 1. Trong trường hợp cần phải thống nhất trong HĐQT để đảm bảo công tác điều hành chung của Tổng công ty, nhưng không thể triệu tập họp HĐQT ngay được thì tổ chức lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT bằng văn bản và được thực hiện theo trình tự sau: a. Các đơn vị, Ban chức năng Tổng công ty theo chức năng nhiệm vụ mà Ban chức năng mình quản lý phải dự thảo trực tiếp các Tờ trình của Tổng giám đốc Tổng công ty (Tổng giám đốc trực tiếp ký hoặc các Phó Tổng giám đốc ký các Tờ trình theo các lĩnh vực đã được Tổng giám đốc phân công), thông qua Thư ký Tổng công ty báo cáo Chủ tịch cho ý kiến trước khi gửi xin ý kiến các thành viên HĐQT. b. Sau khi Chủ tịch cho ý kiến về việc cần thiết phải gửi xin ý kiến các thành viên HĐQT, Thư ký Tổng công ty trực tiếp lập các “Phiếu xin ý kiến bằng văn bản” (có mẫu kèm theo văn bản này), kèm theo các Tờ trình và các hồ sơ tài liệu liên quan gửi đến thành viên HĐQT (theo đường công văn hoặc bằng email) trước ít nhất 5 ngày làm việc tính đến thời điểm dự kiến thu “phiếu xin ý kiến bằng văn bản”. Trường hợp khẩn cấp hoặc để giải quyết kịp thời các phương án điều hành sản xuất kinh doanh hoặc nội dung hồ sơ tài liệu không nhiều có thể thu “Phiếu xin ý kiến bằng văn bản” trong thời hạn sớm hơn. c. Sau khi các thành viên HĐQT đã có ý kiến và chuyển về Thư ký Tổng công ty để tổng hợp ý kiến, báo cáo Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT cho ý kiến chỉ đạo để Thư ký Tổng công ty dự thảo các Nghị quyết, Quyết định sau đó trình Chủ tịch HĐQT ký ban hành theo quy định. Các tờ “Phiếu xin ý kiến bằng văn bản”, văn bản tổng hợp ý kiến và bản gốc các Nghị quyết, Quyết	Điều 17. Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản 1. Trong trường hợp cần phải thống nhất trong HĐQT để đảm bảo công tác điều hành chung của Tổng công ty, nhưng không thể triệu tập họp HĐQT ngay được thì tổ chức lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT bằng văn bản và được thực hiện theo trình tự sau: a. Các đơn vị, Ban chức năng Tổng công ty theo chức năng nhiệm vụ mà Ban chức năng mình quản lý phải dự thảo trực tiếp các Tờ trình của Tổng giám đốc Tổng công ty (Tổng giám đốc trực tiếp ký hoặc các Phó Tổng giám đốc ký các Tờ trình theo các lĩnh vực đã được Tổng giám đốc phân công), thông qua Thư ký Tổng công ty báo cáo Chủ tịch cho ý kiến trước khi gửi xin ý kiến các thành viên HĐQT. b. Sau khi Chủ tịch cho ý kiến về việc cần thiết phải gửi xin ý kiến các thành viên HĐQT, Thư ký Tổng công ty trực tiếp lập các “Phiếu xin ý kiến bằng văn bản” (có mẫu kèm theo văn bản này), kèm theo các Tờ trình và các hồ sơ tài liệu liên quan gửi đến thành viên HĐQT (theo đường công văn hoặc bằng email) trước ít nhất 1 ngày làm việc tính đến thời điểm dự kiến thu “phiếu xin ý kiến bằng văn bản”. Trường hợp khẩn cấp hoặc để giải quyết kịp thời các phương án điều hành sản xuất kinh doanh hoặc nội dung hồ sơ tài liệu không nhiều có thể thu “Phiếu xin ý kiến bằng văn bản” trong thời hạn sớm hơn. c. Sau khi các thành viên HĐQT gửi ý kiến bằng văn bản về Thư ký Tổng công ty, Thư ký Tổng công ty có trách nhiệm lập Biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát và chứng kiến của một người quản lý của Tổng công ty (theo quy định tại Điều lệ). Biên bản kiểm phiếu phải được lập theo mẫu tại Phụ lục đính kèm Quy chế này. Trên cơ sở Biên bản kiểm phiếu, Chủ tịch HĐQT cho ý kiến chỉ đạo để Thư ký Tổng công ty dự thảo các Nghị quyết, Quyết định sau đó trình Chủ tịch HĐQT ký ban hành theo thẩm quyền và quy định pháp luật.	Sửa đổi nhằm rút ngắn thời gian lấy ý kiến, tăng tính linh hoạt và kịp thời trong hoạt động của Hội đồng quản trị. Bổ sung quy trình lập Biên bản kiểm phiếu nhằm bảo đảm tính minh bạch, chặt chẽ và kiểm soát trong việc lấy ý kiến TV HĐQT bằng văn bản. Làm rõ trách nhiệm của Thư ký Tổng công ty và căn cứ ban hành nghị quyết, quyết định, giảm rủi ro pháp lý và tranh chấp về hiệu lực.

QUY CHẾ HIỆN TẠI	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
định đã được Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành được Thư ký Tổng công ty lưu. 	Các tờ “Phiếu xin ý kiến bằng văn bản”, văn bản tổng hợp ý kiến và bản gốc các Nghị quyết, Quyết định đã được Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành được Thư ký Tổng công ty lưu. 	
Điều 21. Chế độ hội họp và đi công tác 1. Chủ tịch, các thành viên HĐQT tham gia các cuộc họp của Tổng công ty, các đơn vị theo Giấy mời HĐQT hoặc mời đích danh Chủ tịch HĐQT. Trong trường hợp Chủ tịch không thể tham dự được, thì ủy quyền cho thành viên HĐQT chuyên trách hoặc các thành viên HĐQT khác theo lĩnh vực được phân công đi dự họp. 2. Thành viên HĐQT đi công tác trong nước phải có nội dung, chương trình cụ thể. Trường hợp đi công tác nước ngoài phải báo cáo Chủ tịch để quyết định theo thẩm quyền.	Bỏ	Bỏ nội dung này nhằm bảo đảm thống nhất, phù hợp với Quy chế HĐQT mẫu.
Điều 22. Điều kiện và chi phí làm việc của các thành viên HĐQT 1. Phòng làm việc của Chủ tịch HĐQT, Ủy viên HĐQT chuyên trách và các thành viên HĐQT được đặt tại Trụ sở/Văn phòng của Tổng công ty. Điều kiện, phương tiện làm việc, văn phòng phẩm phục vụ hoạt động của các thành viên HĐQT được áp dụng theo quy định chung của Tổng công ty. 2. Chi phí hoạt động để phục vụ nhiệm vụ của HĐQT được thanh toán vào chi phí của Tổng công ty theo chứng từ, hóa đơn phù hợp với chế độ kế toán, tài chính theo quy định của Pháp luật và Tổng công ty. 3. Chủ tịch HĐQT, các thành viên của HĐQT được hưởng lương, thù lao theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông và được thanh toán các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	Bỏ	Bỏ nội dung này nhằm bảo đảm thống nhất, phù hợp với Quy chế HĐQT mẫu.
Điều 23. Phân cấp cụ thể trong một số lĩnh vực quan trọng Căn cứ lĩnh vực, quy mô và tính chất công việc, HĐQT thực hiện phân cấp, ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết	Bỏ	Bỏ nội dung này nhằm bảo đảm thống nhất, phù hợp với Quy chế HĐQT mẫu.

QUY CHẾ HIỆN TẠI	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
định một số vấn đề. Việc phân cấp, ủy quyền sẽ được quy định cụ thể trong các Quy chế nội bộ thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.		
Điều 24. Phân công dự thảo, trình tự trình các Tờ trình của Tổng Giám đốc Tổng công ty báo cáo Chủ tịch HĐQT để trình HĐQT xem xét quyết định, phê duyệt hoặc cho ý kiến chấp thuận trước khi Tổng Giám đốc Tổng công ty tổ chức thực hiện 1. Những nội dung công việc, văn bản, phương án, Quy chế... phải được HĐQT xem xét quyết định, phê duyệt hoặc cho ý kiến chấp thuận trước khi Tổng Giám đốc Tổng công ty tổ chức thực hiện theo quy định tại: a. Các Điều 15, 28, 36 Điều lệ Tổng công ty; b. Điều 12 Quy chế này; Trưởng các phòng ban Tổng công ty, Giám đốc các đơn vị thành viên theo chức năng mà đơn vị, phòng ban mình quản lý, phải trực tiếp dự thảo các Tờ trình của Tổng Giám đốc Tổng công ty (Tổng Giám đốc Tổng công ty trực tiếp ký hoặc Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty ký các Tờ trình theo các lĩnh vực đã được Tổng Giám đốc Tổng công ty phân công) thông qua Thư ký Tổng công ty báo cáo Chủ tịch HĐQT (hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền) để trình HĐQT xem xét Quyết định, phê duyệt hoặc cho ý kiến chấp thuận theo quy định tại các cuộc họp của HĐQT hoặc bằng hình thức lấy ý kiến của các thành viên HĐQT Tổng công ty bằng văn bản. 2. Các Tờ trình và các hồ sơ tài liệu báo cáo, giải trình kèm theo Tờ trình HĐQT phải được lập và gửi đầy đủ cho Chủ tịch HĐQT (hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền) để Chủ tịch HĐQT trình HĐQT theo quy định. Các Tờ trình gửi cho HĐQT để lấy ý kiến biểu quyết tại các cuộc họp của HĐQT phải được gửi đến Thư ký Tổng công ty trước ít nhất 7 ngày làm việc, tính đến thời điểm	Bỏ	Bỏ nội dung này nhằm bảo đảm thống nhất, phù hợp với Quy chế HĐQT mẫu.

QUY CHẾ HIỆN TẠI	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
mà HĐQT dự kiến họp, để Thư ký Tổng công ty gửi cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát. Ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT về các Tờ trình sẽ được Thư ký Tổng công ty lập, ghi trong Biên bản họp HĐQT và HĐQT sẽ ban hành các Nghị quyết, quyết định phê duyệt theo quy định. Trong trường hợp cần phải thống nhất để đảm bảo công tác điều hành chung của Tổng công ty, nhưng không thể triệu tập họp HĐQT thì Chủ tịch HĐQT chỉ đạo Thư ký Tổng công ty gửi phiếu lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản đến tất cả các thành viên HĐQT và được thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.		
Điều 29. Mối quan hệ với ban điều hành Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc (Giám đốc) và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết. 1. HĐQT có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết để Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc hoàn thành nhiệm vụ được giao. 2. Tổng Giám đốc có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Trong quá trình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, nếu phát hiện nội dung không có lợi cho Tổng công ty, thì Tổng Giám đốc có trách nhiệm đề nghị HĐQT xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp HĐQT không điều chỉnh Nghị quyết, Quyết định, Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện Nghị quyết, Quyết định đó nhưng có quyền bảo lưu ý kiến. 3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo HĐQT các vấn đề liên quan đến hoạt động điều hành của Tổng công ty và việc chỉ đạo điều hành thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty. 4. Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT khác có liên quan, Thư ký Tổng công ty được mời tham dự	Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các Nghị quyết. Hội đồng quản trị sẽ ban hành Nghị quyết, Quyết định cụ thể về phân cấp giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong việc điều hành hoạt động của Tổng công ty.	Lược bỏ các quy định chi tiết, rườm rà không có trong Quy chế HĐQT mẫu; tập trung vào vai trò quản trị, giám sát của HĐQT và phân cấp điều hành theo nghị quyết, quyết định riêng.

QUY CHẾ HIỆN TẠI	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
các cuộc họp giao ban, các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị nội dung sẽ trình HĐQT hoặc báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ HĐQT giao, do Tổng Giám đốc chủ trì. 5. Tại các cuộc họp của HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền chủ trì cuộc họp HĐQT có thể quyết định mời Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng ban, Giám đốc các đơn vị liên quan tham dự, báo cáo công việc có liên quan và tham gia ý kiến. 6. Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT và Thư ký Tổng công ty thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ và kịp thời. 7. Tổng Giám đốc chủ động quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc theo Điều lệ Tổng công ty; quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong từng trường hợp khẩn cấp (như thiên tai, dịch họa, sự cố bất khả kháng theo quy định của Pháp luật) mà ảnh hưởng ngay lập tức đến lợi ích của Tổng công ty, nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo ngay cho Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT biết. Thời hạn thông báo không chậm hơn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh trường hợp khẩn cấp. Định kỳ hàng quý, hàng năm, Tổng Giám đốc gửi báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, báo cáo thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông cho Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT cùng với kiến nghị cần thiết để thực hiện nhiệm vụ được giao theo thẩm quyền. Khi phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố xảy ra có thể ảnh hưởng xấu đến uy tín, hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, Tổng Giám đốc và người quản lý cần kịp thời báo cáo Chủ tịch		

QUY CHẾ HIỆN TẠI	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp phụ trách công việc đó biết để có biện pháp xử lý kịp thời. Điều 31. Hiệu lực thi hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam bao gồm 07 chương, 31 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 04 năm 2021.	Điều 24. Hiệu lực thi hành 1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động HĐQT phải được ĐHĐCĐ xem xét, quyết định trên cơ sở đề xuất của HĐQT. 2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động của HĐQT chưa được đề cập tại Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định mới của pháp luật đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của HĐQT. 3. Trường hợp có bất kỳ quy định nào của Quy chế này trái với quy định của Điều lệ và/hoặc quy định của pháp luật thì quy định của Điều lệ và/hoặc quy định của pháp luật đương nhiên được áp dụng. 4. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam bao gồm 07 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm...	Bổ sung quy định về thẩm quyền sửa đổi Quy chế, nguyên tắc ưu tiên áp dụng Điều lệ và pháp luật, đồng thời cập nhật lại kết cấu và hiệu lực của Quy chế để bảo đảm tính hợp pháp, thống nhất và phù hợp thực tiễn quản trị. Cập nhật lại số điều và thời điểm hiệu lực cho phù hợp với nội dung quy chế đã được sửa đổi, tinh gọn.
	PHỤ LỤC – MẪU BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU LẤY Ý KIẾN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BẰNG VĂN BẢN	Bổ sung Phụ lục này nhằm bảo đảm tính minh bạch, chặt chẽ và kiểm soát trong việc lấy ý kiến TV HĐQT bằng văn bản



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**

Số: 01

TTTr/ĐT-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động
của Ban kiểm soát Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025
Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam;

Căn cứ yêu cầu tổ chức hoạt động của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (gọi tắt là Tổng công ty).

Ban kiểm soát Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua nội dung sau:

- Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam ngày 27/4/2021 trên cơ sở đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành (*chi tiết nội dung đề nghị sửa đổi và bổ sung tại Phụ lục đính kèm*).

- Giao cho Ban kiểm soát Tổng công ty xem xét hoàn thiện nội dung và triển khai việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty mới theo đúng nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và đúng theo quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội thông qua!

Nơi nhận:

- Như trên;
- CBTT;
- HĐQT;
- Lưu VT, BKS

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Vũ Hoài Anh



**PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TỔNG CÔNG TY**

(Đính kèm Tờ trình số01..... TTr/ĐT-BKS ngày 07/01/2026 trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025
Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam)

STT	Quy chế hiện tại	Quy chế sửa đổi	Ghi chú
	- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019; - Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; - Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Căn cứ Điều lệ Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam; - Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-2021/NQ/ĐT-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021;	- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung; - Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung; - Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Căn cứ Điều lệ Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam; - Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/NQ/ĐT-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026;	Việc sửa đổi phần căn cứ nhằm bảo đảm Quy chế được ban hành và thực hiện trên cơ sở các quy định pháp luật hiện hành, các văn bản sửa đổi, bổ sung mới nhất của Nhà nước, đồng thời phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 08 tháng 01 năm 2026.
	Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát 1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn	Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát 1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn	Loại bỏ quy định không còn phù hợp với mô hình quản trị của Tổng công ty.



STT	Quy chế hiện tại	Quy chế sửa đổi	Ghi chú
	và điều kiện sau đây: a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp; b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty; c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty, Tổng giám đốc Tổng công ty và người quản lý khác; d) Không phải là người quản lý Tổng công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty. đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty; e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó; g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng công ty. 2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tổng công ty, người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty.	và điều kiện sau đây: a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp; b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty; c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty, Tổng giám đốc Tổng công ty và người quản lý khác; d) Không phải là người quản lý Tổng công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty. đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty; e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó; g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng công ty. 2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tổng công ty.	



Số: **006** TTr/ĐT-HĐQT

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2026.

TỜ TRÌNH

(Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị
Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025
Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam ban hành ngày 17/8/2022;

Căn cứ yêu cầu tổ chức hoạt động của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (Tổng công ty),

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua nội dung sau:

- Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty hiện hành nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị, tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, đảm bảo phù hợp với Điều lệ Tổng công ty và các quy định của pháp luật hiện hành (*chi tiết nội dung sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục đính kèm*).

- Giao cho Hội đồng quản trị xem xét hoàn thiện nội dung và triển khai việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị mới của Tổng công ty theo đúng nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và đúng theo quy định pháp luật.

Kính trình Đại hội thông qua./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- CBTT;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Đông

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Tờ trình số**006**.....TTr/ĐT-HĐQT ngày 07/01/2026 của Hội đồng quản trị

Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam)

QUY CHẾ HIỆN TẠI	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019; Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Căn cứ Điều lệ Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt nam hiện hành; Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-2021/NQ/ĐT-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2021;	Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung; Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung; Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 sửa đổi Nghị định số 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán; Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam; Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông sốNQ/ĐT-ĐHĐCĐ ngày 08/01/2025;	Việc sửa đổi phần căn cứ nhằm bảo đảm Quy chế được ban hành và thực hiện trên cơ sở các quy định pháp luật hiện hành, các văn bản sửa đổi, bổ sung mới nhất của Nhà nước, đồng thời phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 08 tháng 01 năm 2026.
Điều 2. Đại hội đồng cổ đông 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 1.1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam. 1.2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp và Điều 15 Điều lệ Tổng công ty.	Điều 2. Đại hội đồng cổ đông 1.Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 1.3. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam. 1.4. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp và Điều 14 Điều lệ Tổng công ty.	Điều chỉnh lại số điều viện dẫn.
Điều 2. Đại hội đồng cổ đông 2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 2.1.Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc	Điều 2. Đại hội đồng cổ đông 2.Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 2.1.Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc	Điều chỉnh lại số điều viện dẫn. Sửa cho phù hợp với nội dung tại dự thảo Điều lệ Tổng công ty sửa đổi.

QUY CHẾ HIỆN TẠI	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 18 Điều lệ Tổng công ty. 2.2.Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp Việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật chứng khoán áp dụng cho các công ty đại chúng và niêm yết. 	cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 17 Điều lệ Tổng công ty. 2.2.Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp Việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán áp dụng cho các công ty đại chúng. 	
Điều 2. Đại hội đồng cổ đông 2.4.Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; c. Phiếu biểu quyết; d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. 	Điều 2. Đại hội đồng cổ đông 2.4.Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng công ty đăng ký giao dịch. Thông báo mời họp phải được gửi kèm hoặc phải nêu rõ đường dẫn đến tài liệu họp để cổ đông tiếp cận, bao gồm: a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; c. Phiếu biểu quyết. 	Sắp xếp lại trật tự các câu cho phù hợp với nội dung tại dự thảo Điều lệ Tổng công ty sửa đổi.
Điều 2. Đại hội đồng cổ đông 2.5.Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.	Điều 2. Đại hội đồng cổ đông 2.5.Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.	Sửa cho phù hợp với nội dung tại dự thảo Điều lệ Tổng công ty sửa đổi.

QUY CHẾ HIỆN TẠI	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. c. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại điểm b khoản 2.5 điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau: - Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; - Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty; - Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. 	b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. c. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại điểm b khoản 2.5 điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau: - Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; - Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty; - Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 	
Điều 2. Đại hội đồng cổ đông 2.12.Điều kiện đề nghị quyết được thông qua a. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện cho từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty; - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty; - Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty. 	Điều 2. Đại hội đồng cổ đông 2.12.Điều kiện đề nghị quyết được thông qua a.Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty; - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty; - Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty. 	Sửa cho phù hợp với nội dung tại dự thảo Điều lệ Tổng công ty sửa đổi. Tạm đề xuất tăng tỷ lệ từ 35% lên 50%. Bỏ điểm c vì trùng với nội dung ở mục b khoản 2.10. Cách thức bỏ phiếu

QUY CHẾ HIỆN TẠI	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
c. Việc biểu quyết thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau. 		
Điều 2. Đại hội đồng cổ đông 2.14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 21 Điều lệ Tổng công ty. b. Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty. 2.16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các quy định của Pháp luật chứng khoán.	Điều 2. Đại hội đồng cổ đông 2.14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 20 Điều lệ Tổng công ty. b. Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật. 2.16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo các quy định của Pháp luật chứng khoán.	Điều chỉnh lại số điều viện dẫn. Sửa cho phù hợp với nội dung tại dự thảo Điều lệ Tổng công ty sửa đổi.
Điều 2. Đại hội đồng cổ đông 	Điều 2. Đại hội đồng cổ đông 	Điều chỉnh lại số điều viện dẫn.

QUY CHẾ HIỆN TẠI	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
3.Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản a.Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty. b.Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện theo Điều 22 Điều lệ Tổng công ty. 	3.Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản a.Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty. b.Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện theo Điều 21 Điều lệ Tổng công ty. 	
Điều 2. Đại hội đồng cổ đông 2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng các hình thức này, Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành Quy chế để thực hiện. Quy chế này phải đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Điều lệ Tổng công ty và quy định khác của pháp luật có liên quan, trong quy chế Hội đồng quản trị ban hành phải quy định rõ các nội dung sau: a. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông; b. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông; c. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông; d. Điều kiện tiến hành; e. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; f. Cách thức bỏ phiếu; g. Cách thức kiểm phiếu; h. Thông báo kết quả kiểm phiếu; i. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông; j. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.	Điều 2. Đại hội đồng cổ đông 2.Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng các hình thức này, Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành Quy chế để thực hiện. Quy chế này phải đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Tổng công ty và quy định khác của pháp luật có liên quan, trong quy chế Hội đồng quản trị ban hành phải quy định rõ các nội dung sau: a. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông; b. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông; c. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông; d. Điều kiện tiến hành; e. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; f. Cách thức bỏ phiếu; g. Cách thức kiểm phiếu; h. Thông báo kết quả kiểm phiếu; i. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông; j. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.	Việc không dẫn chiếu cụ thể Nghị định số 155/2020/NĐ-CP nhằm tránh việc quy định bị lỗi thời hoặc phải sửa đổi khi văn bản dưới luật được thay thế, đồng thời đảm bảo sự phù hợp liên tục với hệ thống pháp luật hiện hành.
Điều 3. Hội đồng quản trị 2.1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	Điều 3. Hội đồng quản trị 2.1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	Sửa cho phù hợp với nội dung tại dự thảo sửa đổi: Điều lệ Tổng công ty và Quy chế HĐQT.

QUY CHẾ HIỆN TẠI	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả các thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. 2.2.Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị a. Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về Pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và có xét yếu tố về giới. b. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Tổng công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: - Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp; - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty; — Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết Pháp luật; - Thành viên của Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên của Hội đồng quản trị Công ty khác. Tuy nhiên, số lượng, chức danh thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty tham gia Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại các Công ty khác tuân thủ quy định Pháp luật hiện hành có liên quan.	Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. 2.2.Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị a. Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức về Pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và có xét yếu tố về giới. b. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo ít nhất có 01 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau: - Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Tổng công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; - Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Tổng công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; - Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Tổng công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên. c. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: - Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp; - Có trình độ chuyên môn trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty; - Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 5 công ty đại chúng khác;	

QUY CHẾ HIỆN TẠI	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
- Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ; —Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Tổng công ty. 	d. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: - Không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó; - Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; - Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng công ty; là người quản lý của Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty; - Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty; - Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Tổng công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ. 3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan. 	
Điều 3. Hội đồng quản trị 3.1 Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị	Điều 3. Hội đồng quản trị 3.1. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị	Điều chỉnh lại số điều viện dẫn. Sửa cho phù hợp với nội dung tại dự thảo Điều lệ Tổng công ty sửa đổi.

QUY CHẾ HIỆN TẠI	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Tổng công ty. 3.3 Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty. 	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Tổng công ty. 3.3 Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp. 	
Điều 3. Hội đồng quản trị 3.5. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu như sau: - Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; - Trình độ chuyên môn; - Quá trình công tác; - Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); - Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty; - Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều	Điều 3. Hội đồng quản trị 3.5. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu như sau: - Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; - Trình độ chuyên môn; - Quá trình công tác; - Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); - Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty; - Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin	Sửa cho phù hợp với nội dung tại dự thảo Điều lệ Tổng công ty sửa đổi.

QUY CHẾ HIỆN TẠI	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
lệ Tổng công ty; - Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).	về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).	
Điều 3. Hội đồng quản trị 5.Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị: Thực hiện theo Điều 31 Điều lệ Tổng công ty.	Điều 3. Hội đồng quản trị 5.Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị: Thực hiện theo Điều 29 Điều lệ Tổng công ty.	Điều chỉnh lại số điều viện dẫn.
Điều 3. Hội đồng quản trị 6.2.Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.	Điều 3. Hội đồng quản trị 6.2.Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.	Sửa cho phù hợp với nội dung tại dự thảo Điều lệ Tổng công ty sửa đổi.
Điều 3. Hội đồng quản trị 7.3.Người phụ trách quản trị Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau: a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông; b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; d. Tham dự các cuộc họp; e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật; f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên; g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;	Điều 3. Hội đồng quản trị 7.3.Người phụ trách quản trị Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau: a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông; b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; d. Tham dự các cuộc họp; e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật; f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên; g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;	

QUY CHẾ HIỆN TẠI	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan; i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty; j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. 	h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan; i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật; j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. 	Sửa cho phù hợp với nội dung tại dự thảo Điều lệ Tổng công ty sửa đổi.
Điều 4. Ban Kiểm soát 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên 1.1. Ban kiểm soát là cơ quan thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty. 1.2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty. 2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Kiểm soát viên 2.1. Số lượng Kiểm soát viên của Tổng công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 2.2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên được quy định tại Khoản 2 Điều 38 Điều lệ Tổng công ty.	Điều 4. Ban Kiểm soát 1.Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên 1.1.Ban kiểm soát là cơ quan thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty. 1.2.Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty. 2.Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Kiểm soát viên 2.1.Số lượng Kiểm soát viên của Tổng công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 2.2.Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên được quy định tại Khoản 2 Điều 36 Điều lệ Tổng công ty.	Điều chỉnh lại số điều viện dẫn.

QUY CHẾ HIỆN TẠI	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
Điều 4. Ban Kiểm soát 2.4.Cách thức bầu Kiểm soát viên Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.	Điều 4. Ban Kiểm soát 2.4.Cách thức bầu Kiểm soát viên Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.	Sửa cho phù hợp với nội dung tại dự thảo Điều lệ Tổng công ty sửa đổi.
Điều 5. Tổng Giám đốc 2.1.Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty. 2.2. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc: Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc. Việc bổ nhiệm Tổng giám đốc thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty, Quy chế về công tác cán bộ của Tổng công ty. Việc thuê Tổng giám đốc được thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động. 	Điều 5. Tổng Giám đốc 2.1.Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật. 2.2.Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc: Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc. Việc bổ nhiệm Tổng giám đốc thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan, Quy chế về công tác cán bộ của Tổng công ty. Việc thuê Tổng giám đốc được thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động. 	Sửa cho phù hợp với nội dung tại dự thảo Điều lệ Tổng công ty sửa đổi.

Số: **007** TT/ĐT-HĐQT

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2026

TỜ TRÌNH

(Về việc phê duyệt hợp đồng/giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025

Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ nước cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 31/12/2020;

Nghị định 245/2025/NĐ-CP của Chính phủ nước cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ký ngày 16/11/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (Tổng công ty) hiện hành;

Căn cứ Quy chế tài chính số 163QĐ/ĐT-HĐQT ký ngày 16/5/2022 của Hội đồng Quản trị Tổng công ty;

Căn cứ yêu cầu tổ chức hoạt động của Tổng công ty,

Do nhu cầu thực tế, phát sinh trong quá trình hoạt động của Tổng công ty, để đảm bảo tính kịp thời nhằm tối ưu quyền lợi của cổ đông và Tổng công ty, tận dụng có hiệu quả các cơ hội kinh doanh, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét thông qua một số nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ như sau:

1. Thông qua chủ trương ký kết/thực hiện hợp đồng/ giao dịch của Tổng công ty thuộc thẩm quyền phê duyệt của ĐHĐCĐ như sau:

- Bên ký hợp đồng/giao dịch: các tổ chức, cá nhân (bao gồm nhưng không giới hạn giao dịch giữa Tổng công ty với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người có liên quan khác theo quy định của Luật doanh nghiệp).

- Loại hợp đồng, giao dịch: giao dịch vay/cho vay, đảm bảo (cầm cố, thế chấp, bảo lãnh...), mua bán, đầu tư... và các giao dịch khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

- Giá trị hợp đồng/ giao dịch:

+ Hợp đồng/giao dịch đầu tư, bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.

+ Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

+ Hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.



- Thời điểm ký kết hợp đồng/giao dịch: Các hợp đồng/giao dịch từ sau ngày tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 (08/01/2026) đến trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2027.

2. Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định nội dung chi tiết của từng hợp đồng/giao dịch, ký kết triển khai thực hiện hợp đồng/giao dịch và các công việc liên quan nêu trên đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật và quyền lợi của Tổng công ty. Hội đồng quản trị được ủy quyền lại cho Tổng Giám đốc Tổng công ty thực hiện các nội dung nêu trên, báo cáo kết quả tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và 2027.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận: 
- Như trên;
- CBTT;
- HĐQT, BKS;
- Lưu TCKT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đông



Số: **008** TTr/ĐT-HĐQT

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022 – 2027

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025
Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/NĐ-CP ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam hiện hành;

Để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định đáp ứng nhu cầu hoạt động, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022 – 2027, cụ thể như sau:

I. Hội đồng quản trị

1. Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị.

Căn cứ văn bản của cổ đông Tập đoàn Geleximco - CTCP gửi Đại hội và hồ sơ kèm theo chi tiết được trình bày tại Đại hội, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027.

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị miễn nhiệm 04 người (dự kiến) đối với:

- + Ông Lê Thanh Tuấn, Lý do: do thay đổi cơ cấu cổ đông lớn.
- + Ông Vũ Hải Vĩnh, Lý do: do thay đổi cơ cấu cổ đông lớn.
- + Ông Phạm Nguyên Anh, Lý do: do thay đổi cơ cấu cổ đông lớn.
- + Ông Nguyễn Trung Dũng, Lý do: do thay đổi cơ cấu cổ đông lớn.

2. Bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị.

Căn cứ quy định tại Điều lệ, Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022 – 2027 như sau:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bầu bổ sung: 04 người (dự kiến)

- Danh sách ứng viên để bầu cử do Ban tổ chức Đại hội cổ đông tiến hành tổng hợp, thông báo tại Đại hội theo Quy chế bầu cử và các quy định có liên quan.

II. Ban kiểm soát

1. Miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát.

Căn cứ văn bản của cổ đông Tập đoàn Geleximco - CTCP gửi Đại hội và hồ sơ kèm theo chi tiết được trình bày tại Đại hội, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027.

- Số lượng thành viên Ban kiểm soát miễn nhiệm 02 người (dự kiến) đối với:

- + Ông Nguyễn Văn Chính, Lý do: do thay đổi cơ cấu cổ đông lớn.
- + Ông Phạm Trung Hoàng, Lý do: do thay đổi cơ cấu cổ đông lớn.

2. Bầu bổ sung Thành viên Ban kiểm soát.

Căn cứ quy định tại Điều lệ, Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bầu bổ sung Thành viên Ban kiểm soát cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022 – 2027 như sau:



- Số lượng thành viên Ban kiểm soát bầu bổ sung: 02 người (dự kiến)
- Danh sách ứng viên để bầu cử do Ban tổ chức Đại hội cổ đông tiến hành tổng hợp, thông báo tại Đại hội theo Quy chế bầu cử và các quy định có liên quan.

(Có lý lịch trích ngang của ứng viên bầu bổ sung Thành viên HĐQT, BKS cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022 – 2027 kèm theo).

Việc bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được trình và thông qua tại Đại hội này.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- CBTT;
- BKS;
- Lưu VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Đông



Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2026

QUY CHẾ
BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM
CHO THỜI GIAN CÒN LẠI CỦA NHIỆM KỲ 2022 – 2027

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn chi tiết hiện hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn chi tiết hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam;

Quy chế đề cử, ứng cử và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022 – 2027 tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 được thực hiện như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

1. Đảm bảo tuân thủ Pháp luật và các thông lệ tại Việt Nam;
2. Đảm bảo công tác công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả các cổ đông Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam;
3. Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam;

Điều 2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát bầu bổ sung

Số lượng bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022 – 2027: 04 thành viên.

Số lượng bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022 – 2027: 02 thành viên.

Điều 3. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

Nhiệm kỳ của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được bầu bổ sung là thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022-2027 tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định có liên quan.

Chương II

BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Quyền đề cử, ứng cử vào thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Quyền đề cử, ứng cử vào thành viên Hội đồng quản trị

Theo Điều lệ Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam, quyền đề cử, ứng cử vào thành viên Hội đồng quản trị được quy định như sau:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

b) Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số cổ phần của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

c) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp thành nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

d) Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

2. Quyền đề cử, ứng cử vào thành viên Ban kiểm soát

Theo Điều lệ Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam, quyền đề cử, ứng cử vào thành viên Ban kiểm soát được quy định như sau:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

b) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp thành nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

c) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng viên Ban kiểm soát.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử từ ba (03) ứng viên đến tối đa năm (05) ứng viên;
- Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

d) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tiêu chuẩn của người đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Tiêu chuẩn của người đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh Nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, trong quản trị kinh doanh hoặc lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Tổng công ty.

2. Tiêu chuẩn của người đề cử, ứng cử vào Ban kiểm soát

a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh Nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty, Tổng Giám đốc Tổng công ty và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Tổng công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;

e) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;

f) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng công ty;

Điều 6. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử

Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát của cổ đông phải tuân thủ Quy chế Bầu bổ sung thành viên HĐQT/BKS được thông qua tại ĐHCĐ, bao gồm:

a) Đơn xin đề cử (ứng cử) tham gia Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát (theo mẫu);

b) Sơ yếu lý lịch người được đề cử (ứng cử) vào Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát (có dán ảnh);

c) Bản sao có công chứng các giấy tờ: Thẻ căn cước công dân/hộ chiếu hoặc Giấy Đăng ký doanh nghiệp (đối với tổ chức), các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn của ứng viên;

d) Biên bản họp nhóm – trường hợp cổ đông ứng cử được đề cử theo nhóm (theo mẫu đính kèm) nếu có.

Sau khi Đại hội chốt danh sách bầu cử, Ban kiểm phiếu sẽ cấp cho mỗi cổ đông tham gia một phiếu bầu Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát cho toàn bộ số cổ phần sở hữu và được ủy quyền.

Điều 7. Nguyên tắc bầu cử

Căn cứ Khoản 3, Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020, việc bầu Thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát phải tuân theo nguyên tắc sau:

1. Việc biểu quyết bầu Thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu với hình thức bỏ phiếu kín tại Đại hội.

2. Phương thức bầu dồn phiếu: Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát và cổ đông/đại diện cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một ứng cử viên hoặc một số ứng cử viên.

3. Người trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

4. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu

3357
ÔNG T
HÂN
À TIN H
NAM
M-T.P

cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Điều 8. Phiếu bầu cử

Phiếu bầu cử là phiếu do Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam phát ra, có đóng dấu của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

Trên phiếu ghi sẵn thông tin: tên cổ đông hoặc đại diện cổ đông dự họp, mã số cổ đông, số cổ phần có quyền biểu quyết, tổng số phiếu biểu quyết tương ứng (là số cổ phần có quyền biểu quyết đã được nhân tương ứng với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát), danh sách ứng cử viên.

Mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông dự họp được Ban kiểm phiếu phát 01 phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị và 01 phiếu bầu thành viên Ban kiểm soát.

1. Phiếu bầu hợp lệ

- Phiếu do Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông phát ra theo mẫu thống nhất có đóng dấu treo của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam, không cạo, sửa, tẩy, xóa;
- Phiếu bầu cho những người trong danh sách bầu cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Tổng số phiếu bầu của cổ đông cho các ứng cử viên bằng hoặc nhỏ hơn tổng số quyền biểu quyết của cổ đông;

2. Phiếu bầu không hợp lệ:

- Phiếu bầu không phải do Ban Tổ chức Đại hội cổ đông phát hành;
- Phiếu bầu nhiều hơn số Thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Tổng số phiếu bầu của cổ đông bầu cho các ứng cử viên lớn hơn tổng số quyền biểu quyết của cổ đông;
- Cổ đông gạch tên ứng cử viên hoặc ghi thêm tên người khác vào danh sách;
- Số phiếu bầu ghi bằng tỷ lệ phần trăm (%);
- Phiếu trắng;
- Phiếu không bỏ cho ứng cử viên nào.

Điều 9. Điều kiện trúng cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát là người có số phiếu bầu được xác định trên số phiếu bầu hợp lệ của tất cả các cổ đông dự họp, được tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát cần bầu.

2. Mọi khiếu nại về kết quả bầu cử chỉ được xem xét ngay tại Đại hội đồng cổ đông, cổ đông không được phản đối tính hợp lệ này bất kỳ lúc nào khác. Trường hợp có ý kiến của cổ đông bất đồng về thủ tục bầu cử hoặc kết quả bầu cử, Ban kiểm phiếu Đại hội kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông quyết định./.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Quy chế này được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC
VIỆT NAM

HOÀN KIẾM - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Văn Đông

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc



Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ CỬ

**THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM
CHO THỜI GIAN CÒN LẠI CỦA NHIỆM KỲ 2022 – 2027**

**Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025
Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam**

Tôi/Chúng tôi là các cổ đông có nắm giữ cổ phần của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam, bao gồm:

Stt	Tên cổ đông	Số CCCD/ Hộ chiếu/ Số GCN ĐKDN (nếu là pháp nhân)	Họ và tên người đại diện (nếu là pháp nhân)	Số cổ phần sở hữu	Tương đương % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết	Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

Sau khi nghiên cứu các điều kiện, tiêu chuẩn liên quan đến việc đề cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/Ban kiểm soát (BKS) Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022 – 2027, Tôi/ chúng tôi nhất trí gộp toàn bộ số cổ phần của chúng tôi được liệt kê ở trên để đề cử:

1. Ông/Bà:

Ngày tháng năm sinh:..... Nơi sinh

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại:

Số thẻ CCCD/Hộ chiếu:Ngày cấp:

Nơi cấp:

Trình độ học vấn:Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu:cổ phần (Bằng chữ:) của
Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

2. Ông/Bà:

Ngày tháng năm sinh:..... Nơi sinh

Địa chỉ thường trú:



Điện thoại:

Số thẻ CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu: cổ phần (Bằng chữ:) của
Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

(các ứng viên đề cử tiếp theo (nếu có) kê khai tương tự)

Làm ứng cử viên tham gia thành viên HĐQT/BKS Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022 – 2027.

Tôi/Chúng tôi cam đoan Ông/Bà có đủ điều kiện được đề cử vào
vị trí thành viên HĐQT/BKS theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và Quy chế bầu cử thành
viên HĐQT/BKS tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Tổng công ty Cổ phần
Điện tử và Tin học Việt Nam.

Đồng thời, chúng tôi thống nhất cử *(áp dụng trong trường hợp nhóm cổ đông đề cử)*:

Ông/bà:

Mã cổ đông *(nếu có)*:

Số thẻ CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm
soát cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022 - 2027 tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm
2025 của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam đúng theo quy chế bầu cử.

Tôi/Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung văn bản
và hồ sơ kèm theo đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của Điều lệ Tổng công ty
và Quy chế bầu thành viên HĐQT/BKS tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của
Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

Trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Đơn ứng cử hoặc đề cử tham gia vào HĐQT/BKS (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch (có dán ảnh);
- Bản chứng thực các giấy tờ trong thời hạn 06 tháng gồm các giấy tờ sau: Thẻ căn cước công dân/hộ chiếu hoặc Giấy Đăng ký doanh nghiệp (đối với tổ chức), các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn của ứng viên.
- Biên bản họp nhóm – trường hợp cổ đông ứng cử được đề cử theo nhóm (theo mẫu đính kèm).

(CÁC) CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ

(Từng người ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là pháp nhân)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....



ĐƠN ỨNG CỬ

**THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM
CHO THỜI GIAN CÒN LẠI CỦA NHIỆM KỲ 2022 – 2027**

**Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025
Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam**

Tôi tên là:.....

Ngày sinh: Nơi sinh:

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại:..... Email:.....

Số thẻ CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp:

Nơi cấp:.....

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu: cổ phần (Bằng chữ:)

của
Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

Sau khi nghiên cứu các điều kiện, tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/Ban kiểm soát (BKS), tôi xin tự ứng cử vào vị trí thành viên HĐQT/BKS Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022 – 2027.

Tôi xin cam đoan các thông tin mà tôi cung cấp là đúng sự thật và xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật và Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam nếu sai sót.

Trân trọng!

Hồ sơ kèm theo:

- Đơn ứng cử hoặc đề cử tham gia vào HĐQT/BKS (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch (có dán ảnh);
- Bản chứng thực các giấy tờ trong thời hạn 06 tháng gồm các giấy tờ sau: Thẻ căn cước công dân/hộ chiếu hoặc Giấy Đăng ký doanh nghiệp (đối với tổ chức), các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn của ứng viên.

CỔ ĐÔNG ỨNG CỬ

(Ký ghi rõ họ và tên)

Ảnh 3 x 4

(ảnh mẫu
mới nhất)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho các ứng cử viên bầu thành viên HĐQT/BKS

Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022 – 2027)

1. Họ và tên: 2. Giới tính: Nam/ Nữ:
3. Ngày tháng năm sinh:
4. Nơi sinh:
5. Quê quán:
6. Số thẻ CCCD/Hộ chiếu: 7. Cấp ngày:
8. Nơi cấp:
9. Dân tộc: 10. Quốc tịch:
11. Nơi ở hiện nay:
12. Số điện thoại liên lạc:
13. Trình độ chuyên môn:
14. Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)

Từ tháng năm đến tháng năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác

15. Chức vụ hiện đang nắm giữ: (ghi rõ đối với trường hợp làm thành viên HĐQT/BKS hoặc Người quản lý khác của Công ty đại chúng)

-
-
-

16. Hiện đang nắm giữ:..... tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam. Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: cổ phần
- Đại diện sở hữu: cổ phần
- Đã lưu ký: cổ phần
- Chưa lưu ký: cổ phần

17. Hành vi vi phạm pháp luật/bị kỷ luật: **Không.**

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)



BIÊN BẢN HỌP NHÓM

Đề cử ứng viên bầu thành viên Hội đồng Quản trị/Ban kiểm soát
Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam cho thời gian còn lại của
nhiệm kỳ 2022 - 2027

Hôm nay, ngày/...../....., tại.....

Chúng tôi là những cổ đông của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam cùng nhau nắm giữ cổ phần, chiếm tỷ lệ% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty, có tên trong danh sách dưới đây:

TT	Tên cổ đông	Số CCCD/ Hộ chiếu	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Ghi chú
Tổng cộng					

Cùng nhất trí đề cử:

1. Ông/bà: Ngày tháng năm sinh
Số thẻ CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp:
Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Hiện đang sở hữu: cổ phần (Bằng chữ:)
của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

2. Ông/bà: Ngày tháng năm sinh
Số thẻ CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp:
Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Hiện đang sở hữu: cổ phần (Bằng chữ:)
của Viettronics.

(các ứng viên đề cử tiếp theo (nếu có) kê khai tương tự)

Là ứng viên bầu thành viên Hội đồng Quản trị/Ban kiểm soát Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022 – 2027.

Đồng thời chúng tôi thống nhất cử:

Ông/bà: Ngày tháng năm sinh
Số thẻ CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp:
Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:

Hiện đang sở hữu: cổ phần (Bằng chữ:)
của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng hướng dẫn về việc tham gia ứng cử, đề cử bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022 – 2027 của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

Biên bản này được lập vào lúcgiờ, ngày/...../.....

NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ CỬ

CÁC CỔ ĐÔNG TRONG NHÓM ĐỀ CỬ



Hồ sơ kèm theo:

- Sơ yếu lý lịch (có dán ảnh);
- Bản chứng thực các giấy tờ trong thời hạn 06 tháng gồm các giấy tờ sau: Thẻ căn cước công dân/hộ chiếu hoặc Giấy Đăng ký doanh nghiệp (đối với tổ chức), các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn của ứng viên.